

ĐẠO - VĂN - HỘI

Phong-tục

MIỀN NAM

QUA MẤY VÂN CA ĐẠO



NHÀ SÁCH **KHAI-TRÍ**

62, Đại-lý, Lê-lợi
SÀI GÒN

PHONG-TỤC MIỀN NAM
QUA MẤY VẦN CA-ĐAO

ĐÀO-VĂN-HỘI

PHONG-TỤC MIỀN NAM
QUA MẤY VẦN CA-ĐAO

Nhà sách KHAI-TRÍ

62, đại-lộ Lê-Lợi

• SAIGON

PHONG-TỤC MIỀN NAM QUA MẤY VẦN CA-ĐAO

NHỮNG buổi chiều tà, rồi công rảnh việc, tránh tiết oi-ả Sài-thành, chúng ta về nơi ruộng rẫy, ngắm cảnh thiên-nhiên và thưởng thức ngọn gió đồng.

Khói lam quyện trên mái xóm, đàn cò vô tư lự đậu rải-rác đó đây. Thoạt-nhiên, trong nhà vọng ra tiếng hát lạnh-lót của đứa trẻ đưa em :

*Chim bay về núi tối rồi,
Em không lo-liệu lấy nồi nấu cơm.*

Đứa bé nhắc khéo mình về thành-thị mà ngại-ngại chớ chi ! Không, chưa về vội, vì đêm càng xuống mau, gió càng mát mẻ. ...

Thái-âm tình-quân lộ dạng cõi trời Đông, đồng ruộng tròn ngập ánh sáng vàng, nhưng kìa ai bảo :

*Trăng tròn thì mặt tròn trăng,
Bầu xinh mặc bầu, bầu xằng anh chề !*

Hay thay, anh nông-phu chất-phác cũng biết sánh với chị Hằng người gái đẹp mà trác-nết lằng-lơ chẳng tròn niêm chung-thủy, vì chị Hằng kìa mặt dầu kiều-diễm song thuộc tất cả mọi người.

Khách thông-thả bước dọc ngôi vườn rộng, tàu tiêu lạch-xạch đánh vào nhau, bỗng nghe một thiếu-phụ mượn cảnh mà trút nỗi u-hoài, trách ai tham đó bỏ dưng :

*Gió đưa buội chuối sau hè,
Anh mê vợ bé bỏ bè con thơ !*

Trong đám khách nhàn-du, có đôi ba bạn, đồng-bào Trung Bắc, cảm thấy hay hay khi nghe hát lên những câu ca-dao miền Nam quê-kịch...

Từ trước, đã có nhiều thi-sĩ văn-nghôn sưu-làm ca-dao cảnh vật Trung và Bắc-Việt, thì nay chúng tôi, cũng vì mảnh tình đất nước và cũng vì các bạn nói trên mà mạo-muội trình thiển khảo-cứu thô-thiển này, mặc dầu chúng tôi ít thấy hợp nghe, lời lẽ thiếu vẻ thanh-kỳ, mục-dịch là bổ-cứu một phần nào, chớ chẳng có ý chỉ riêng rẽ.

Chúng tôi lại còn một nỗi lo-âu là, trong thời-đại nguyên-lũ, mạnh được yếu thua, mà nhắc đến những câu mộc-mạc như :

*Mẹ già ở tám lều tranh,
Đôi no chẳng biết rách lành không hay.
không rõ còn có hợp-thời chăng ?*

Tuy-nhiên, ca-dao Nam-Việt phản-ảnh cả tinh-thần dân Việt miền Nam, và đã nhiều phen thúc-đầy đồng-bào trên chính-nghe :

*Anh ơi, phải tình thì đi,
Cửa nhà đơn-chiếc đã thì có em.*
nó đã hun-đúc biết bao liệt-nữ anh-hùng, cha lành, con thảo.

Thế thì, các lời ca ấy, dẫu muôn nghìn đời về sau, vẫn là mới-mẻ, ta không thể lãng quên đi được.

NHẬN-XÉT CHUNG VỀ CA-DAO

Trước hết, chúng tôi xin có vài lời nhận xét chung về ca-dao.

Ca-dao tức là những câu hát thông-thường của dân-gian, là sản-phẩm chung của dân-tộc, truyền-tụng từ thế-hệ này sang thế-hệ kia, là tiếng nói của tâm-hồn nam nữ ở những nơi đồng lúa, rừng-rú, núi đồi.

Ca-dao là những vở kịch muôn hồi, muôn cảnh, trong đó có tư-tưởng của quân-tử, hiền-nhân, có lời khuyên-răn của kẻ làm cha mẹ, có ý-chí của vợ thảo, con hiền, có giọng tha-thiết của kẻ chung-tình, có tiếng thở dài của người thất-vọng, có đủ giọng mỉa-mai, di-dòm, êm-ái hay hùng-hồn.

Ca-dao là cả một xã-hội : có cảnh gia-đình đầm-ấm vui tươi, có cảnh tang-thương rời-rã ; ngoài ra, ca-dao còn là những bức hoạt-họa, đủ mọi màu sắc, đủ mọi cảnh-tri.

Nhà xã-hội-học muốn hiểu rõ dân-tộc Việt-Nam, muốn biết những đặc-điểm, những sở-đoán sở-trường, tâm-lý và tư-tưởng hoài-bảo, xu-hướng của người Việt-Nam, thiết-tưởng không gì bằng xem các câu ca-dao, một nguồn tài-liệu dồi-dào, chắc-chắn.

Những vấn-đề bình-đẳng, hy-sinh, tự-do, bác-ái, những tư-tưởng xã-hội, tôn-giáo, văn-chương, chính ca-dao của ta đã từng đề-cập và luận-bàn.

Về phần văn-chương thì ca-dao là một lối văn cổ nhất của nước nhà, được phong-phú-hóa bằng hình-thức văn-thơ thuần-lúy Việt-Nam, bóng-bẩy mà tự-nhiên, không hề mó-phỏng một lối thơ ngoại-lai nào.

Đặc-sắc của ca-dao, là tính-cách nhẹ-nhàng, tinh-khiết như không-khí trên núi cao, ngoài sông rộng, sáng-lạn như ánh bình-minh, mát-mẻ như ngọn gió chiều, dịu-dàng như bóng trăng mon-man ngọn cỏ,

Song le, cũng có lúc « cười nèn tiếng khóc, hát nèn giọng sầu », hoặc gay-gắt như nắng mùa hè, hoặc sáng-khái như tiếng gọi của non-sông.

Hơn ba trăm năm nay, đầy nhựa sống, đầy dũng-cảm, người dân Việt, trong đà Nam-tiến, đã chiến-thắng Chiêm-Thành, khắc-phục Chán-Lạp.

Đất Nam-Việt thuộc người Nam mới ba thế-kỷ, thì những câu ca-dao của chúng ta nghe truyền-tụng trong dân-gian mới có ba trăm tuổi thọ, chẳng sánh được với những ca-dao miền Bắc đã phổ-biến từ ngàn xưa.

Vả chẳng, nhiều câu ca-dao ở Nam-Việt cũng giống ở Bắc hay Trung-Việt; vì thực ra, ba vùng

vẫn thường được tiếp-xúc nhau, thì tất cũng có những lời nói giọng hát ở một nơi loan-truyền sang các nơi khác cũng là lẽ thường.

Bởi thế, ca-dao Nam-Việt, tôi muốn nói của người dân quê miền Nam, tất hàm-chứa ít phần lịch-sử.

Vả lại, đất-đai miền Nam phong-thạnh, khí-hậu ôn-hòa, nếu không có nạn chiến-tranh thì dân Nam sống dễ-dàng thông-thả, không mấy khi khổ-sở vì địa-ách thiên-tai; trên rẫy, khoai, bắp, đậu đủ ăn; dưới ruộng, dôi-dào bông lúa; sông rạch, đầm ngói, tôm cá chẳng thiếu chi.

Vì vậy, ca-dao miền Nam không nhắc-nhở nhiều tới sự cần-cù khó-nhọc; chúng tôi chỉ lược-lật được năm ba câu khuyến-khích sự gắng công.

• • •

Nói về khoa-cử thì chỉ từ hồi Mạc-thiên-Tích làm Đốc-Độc trấn Hà-Tiên, người Nam-Việt mới bắt đầu chuông văn-chương và vị Tấn-sĩ duy-nhất miền Nam là cụ Phan-thanh-Giản vậy.

Ngoài ra, ta còn kể được « Gia-Định tam-thi-gia » tức là Lê-quang-Định, Ngô-nhân-Tĩnh và Trịnh-hoài-Đức, xuất-chính giúp Gia-Long mở nền binh-trị.

Gần đây, ta lại có những Bùi-hữu-Nghĩa, tục gọi là Thủ-Khoa Nghĩa, Nguyễn-đình-Chiều cũng

gọi là *Đồ-Chiều*, *Tôn-thọ-Tường*, *Phan-văn-Trị* tức *Cử Trị*, *Huỳnh-nhân-Đạt*, làm sáng rõ dân văn, song đó chỉ là số ít, và cái học khoa-cử, cái mộng làm quan đặng cho «*võng anh đi trước, võng nàng theo sau*» thì sĩ-phu Nam-Việt vẫn nhượng-bộ đồng-báo Trung, Bắc.

Rồi kể đến đại-bác, chiến-hạm, từ năm 1860, cũng làm cho thanh-niên Nam-Việt «*vứt bút lông đi, cấp bút chì*», và không còn tha-thiết với tâm-chương trích cú.

• • •

Đề ý nhận-xét, ta thấy ca-dao Nam-Việt ít ca-tụng vua quan, thỉnh-thoảng ta mới gặp vài ba câu nói đến ơn vua lộc nước, nhưng ca-dao ta lại rất giàu tình-cảm, nhất là hiếu-hạnh đối với mẹ cha, và tình đầm-thấm giữa phu-thê, bằng-hữu.

Bàn về lễ-sự, ca-dao có một giọng châm-biểu, thấm-thía, chua cay . . .

Rồi, lúc cấy cày dưới ruộng, khi giã gạo trong sân, giữa trời thanh trắng tỏ, trai gái đối đáp nhau, đổ nhau những câu mà triết-học-gia, toán-học-gia, có lẽ cũng chịu là tài-tình.

Lại có những câu trào-phúng nghe không khỏi tức cười.

• • •

Trong khuôn-khở chật hẹp của thiên khảo-cứu này, chúng tôi không có cao-vọng trình-bày ca-dao về mọi phương-diện : văn-chương, lịch-sử, văn-phạm, v. v. . . như nhiều văn-sĩ đã làm với một công-phu đáng hoan-nghinh.

Chúng tôi chỉ tạm phân ca-dao Nam-Việt ra từng loại, đơn-cử năm mươi câu làm tiêu-biểu cho mỗi phần, nhân-tiên gặp câu nào xét ra đã có nhiều sách-vở chép sai hoặc nghe khẩu-truyền lầm-lẫn thì xin mạn phép đính-chánh.

Với mục-đích ấy, chúng tôi phân-lách ca-dao ra làm sáu mục, cho dễ hiểu và dễ nhớ :

I.— Tả cảnh :

II.— Tu-thân :

III.— Tình gia-tộc :

**IV.— Phong-tục
thôn-quê :**

a) Cẩn-lao

b) Khuyển-học

c) Nhân nại

d) Giao-thiệp

a) Hiếu-hạnh

b) Dạy con

c) Tình yêu

d) Tình vợ chồng

a) Phong-tục tổng-quát

b) Ca-dao với thương-mãi

c) Xem tướng

- V.— Ngoài xã-hội :
- a) Luận anh-hùng
 - b) Đoàn-kết
 - c) Thế-sự
 - d) Ảnh-hưởng Nho-Thích
 - e) Châm-biểu, hài-hước
- VI.— Những câu hát vật :
- a) Ca-dao, sản-xuất do tác-phẩm
 - b) Nhân-du
 - c) Câu hát trẻ em
 - d) Thai-đố

I

CA-DAO TẢ CẢNH

Trước hết, là những câu tả cảnh.

Về nghệ-thuật này, dân quê ta thường thấy sao nói vậy, như vẽ một bức tranh thủy mặc, chấm phá vài nét đơn-sơ :

*Chiều chiều én liệng trên trời,
Rùa bò dưới nước, khi ngồi trên cây.*

Câu sau có tiêu đối, đã có vẻ nên thơ.

Bức tranh có én liệng, có rùa bò, có khi ngồi, thật là linh-động, nhưng tác-giả chưa cho là đủ, lại thêm thêm :

*Chiều chiều vịt lội cò bay,
Ông voi bẻ mía, chạy ngay vô rừng.*

Tả cảnh miền rẫy bãi lại có hai câu khác cũng hay :

*Ngó lên đám bắp trỏ cò,
Đám dưa trỏ nụ, đám cà trỏ bông.*

Thật là gián-tiếp có đủ các màu sắc. Còn khách nhàn-du thời chẳng chịu ngồi yên :

*Rủ nhau xuống biển bắt cua,
Lên non bắn nhạn, vô chùa nghe kinh.*

Với đề tài như vậy, họa-sĩ có thể vẽ một bức tranh có non vàng, có biển bạc, trên sườn núi có chùa, rồi voi chạy vô rừng, khi ngồi giữa lá ; trên rẫy thì bắp trỏ cò, dưa trỏ nụ, khách nhàn-du thời tản-mác mọi nơi.

Tại đây, tôi xin mở một dấu ngoặc, và nhắc lại câu ta thường nghe hát :

*Con mèo con chuột có lông,
Ông tre có mắt, nời đồng có quai.*

Thật là hiển-nhiên quá, có gì lạ đâu !

Nhưng một cụ già mà chúng tôi được hầu chuyện, cho biết rằng câu ấy truyền-tụng sai, chính ra phải như sau mới đúng :

*Con gà con vịt cũng không,
Bóng tre có mắt, ngoài đồng không ai.*

Ấy là cảnh đồng buổi trưa vắng-vẻ, nông-phu đã về nhà, gà vịt tìm nơi tránh nắng, chỉ có khóm tre bóng mát, giữa cánh đồng rộng-rãi, bao-la....

* * *

Cũng trong đoạn văn tả cảnh này, chúng tôi xin nhắc một câu mà chúng tôi đề ý đến trong quyển « Hương-hoa đất nước » của Trọng-Toàn :

*Ba phen quạ nói với diều,
Vườn hoang cỏ rậm thì nhiều gà con.*

Câu này, chúng tôi e không được đúng, là vì, sanh-trưởng ở tỉnh Tân-An (Long-An), chúng tôi biết có câu :

*Ba phen quạ nói với diều,
Ngã kinh ông Hóng có nhiều vịt con.*

Ông Hóng là một cụ-phú thời Gia-Long.

Thuở Nguyễn-Ánh còn bôn-đào, một ngày kia, chiến-thuyền của ngài đến đậu trên sông Vàm-cỏ-tây chảy ngang tỉnh Tân-An. Nguyễn-Ánh thiếu lương-thực, sai thị-thần đến

yêu-cầu ông Hóng, ở làng Bình-Lang, Tân-An, tiếp-tế cho « một bữa cháo ».

Ông Hóng mới đào một con kinh từ nhà ông ta thông ra sông Vàm-cỏ, dặng thuyền của ông có thể chở lúa ra sông, tiếp-tế cho Chúa Nguyễn.

Con kinh ấy gọi là « Kinh Ông Hóng » ngày nay hay còn, và thuở trước, trên kinh, người ta nuôi vô số vịt con, cho nên mới có câu ca-dao trên kia vậy.

Lại một bạn đọc, người tỉnh An-Giang (Long-Xuyên-Châu-Đốc) mách với chúng tôi rằng, nơi ấy có câu hát^a như vậy :

*Ba phen quạ nói với diều,
Cù-lao ông Chương còn nhiều cá tôm.*

Cù-lao này nằm trên sông Hậu-Giang chảy ngang tỉnh An-Giang.

II TU THÂN

a) Cẩn-lao :

Nay xin bàn đến phần thứ hai của ca-dao miền Nam là đạo tu-thân và đoạn thứ nhất của đạo tu-thân là cẩn-lao.

Đất Thủy-Chân-Lạp là đất mới, người Việt-Nam lần lượt di-cư vào đây từ thế-kỷ thứ XVII.

Mặc dầu Nam-Việt là đất phì-nhiều, sông rạch nhiều tôm cá, song tay có làm thì hàm mới nhai, dân ta khuyến khích nhau làm việc :

*Có khó mới có mà ăn,
Không đừng ai dễ mang phần tới cho.*

Đây là lời khuyên những kẻ làm nghề hạ-bạc :

*Ngồi rồi sao chẳng xé gai,
Đến khi có cá mượn chài ai cho.*

Trong gia-đình, mỗi người đều có phận-sự :

*Cha chài, mẹ lưới, con câu,
Chàng rẽ dống dấy, con dậu ngồi nò.*

Công việc của anh nông-phu cũng vất-vả chẳng kém gì :

*Chú kia nhờ mạ trên cồn,
Nước-nôi không có miêng mồm lấm-lem.*

Còn anh mục-tử này, nào anh có sung-sướng chi hơn :

*Trâu anh con cỡi con dòng,
Lại thêm con ghé cực lòng thẳng chẵn,*

Và anh lao-công điều-khiển chiếc thuyền chở đầy
sản-phẩm cũng cực-khò, hiểm-nguy giữa dòng sóng bạc :

*Một mình vừa chống vừa chèo,
Không ai tốt nước đỡ nghèo một khi.*

Nhưng mà :

*Có vất-vả mới thanh-nhàn,
Không dung ai dễ cầm tàn che cho.*

Xem ý-kiến của anh thanh-niên sau đây chọn bạn trăm
năm, ta đủ biết quan-niệm của anh thế nào đối với bạn
cần-lao :

*Một trăm con gái Thủ,
Một lữ con gái chợ anh không màng,
Cám thương con gái ruộng cơ-hàn nắng mưa.*

Hiện nay, tại núi Nứa, một hòn đảo thuộc tỉnh Phước-
Tuy (Bà-Rịa), mỗi khi dân-cư cất nhà, đào giếng, đắp
đường, không ai muốn ai bao giờ : anh chị em dưới ấy
áp-dụng phương-pháp tương-thân, tương trợ, đề tự phân-
công cho nhau mà tự-túc, đúng với tinh-thần câu ca-đao :

*Con quạ tha lá lợp nhà,
Con cu chế lạt, con gà dừng phen.*

* * *

b) Khuyến học :

Trong đạo tu-thân, chúng tôi không quên sự khuyến
học.

Tuy trên chúng tôi đã nói người Nam không tôn-trọng
khoa-cử bằng sĩ-phu Trung, Bắc, vốn lấy khoa-cử làm
chuẩn-đích cho sự học-hành, song thanh-niên Nam-Phân
không phải là không chăm-học, thường khuyến-bảo nhau :

*Rừng như biển thánh khôn dò,
Nhỏ mà không học lớn mù sao ra.*

Học đề đèn ơn cha mẹ :

*Bao giờ cá lý hóa long,
Đền ơn cha mẹ ẩm bông ngày xưa.*

Dầu không đổ-đạt đi nữa thì cũng :

*Nghèo mà hay chữ thì hơn,
Giàu mà hay chữ như sơn thếp vàng.*

Ít nhiều thiếu-nữ có thành-kiến rằng « người ta vác gĩa vay lúa không ai vác gĩa vay chữ » nên chê-bai nhóm sĩ-phu mà dặn bảo nhau :

*Chị em ai nấy,
Đừng lấy học-trò,
Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm.*

Chị em lại hỏi khó anh em học-sinh :

*Gió năm non thổi lòn hang dế,
Tiếng anh học-trò mưu-kế dè dàu ?*

Mấy anh cũng không phải tay vừa, gợn-gàng đáp lại :

*Mưu-kế anh dè lại nhà,
Ai dè em hỏi động mà đem theo.*

Đối với những trò lao-đao trường ốc, ca-đao có những câu chế-giễu :

*Lờ quan, lờ lính, lờ làng,
Lờ bề uấn-gả, lờ hang công-khanh.*

Còn nói chỉ những ông quan khi xưa hách-dịch nay phải buổi suy-tàn, thì thôi, chịu sao chợ nới thối dợt mại-mại :

*Nào khi lên võng xuống dù,
Kêu dân dân dạ, bây giờ dạ dân.*

Nhưng phải trọng sĩ-phu nhiệt-liệt binh-vực học-trò :

*Lọng che sương, đầu sương cũng lọng,
(Cây) ô bịt vàng, đầu lọng cũng ô.*

Ở đây, cây lọng tiêu-biểu cho học-thức cũng như cho chức-vị, còn cây ô (tức cây dù) là dụng-cụ của bất cứ một ai.

Thế thì một thư-sinh, dẫu nghèo túng, một viên quan thanh-bản, lại chẳng đáng quý đáng trọng hơn một anh trọc-phú, hơn một cậu « công-tử bột » sao ?

Nếu có hạng chị em chê học-trò « dài lưng tốn vải » thì, trái lại, cũng có nhiều thiếu-nữ :

*Quyết lòng chờ đợi trò thi,
Dẫu ba mươi tuổi lỡ thì cũng ưng.*

Chí-hướng của các cô là :

*Đốc một lòng lấy chồng hay chữ,
Đề ra vào kinh-sử mà nghe.*

Chớ chẳng phải như ai :

*Đốc một lòng lấy chồng dốt-nát,
Đề ra vào rửa bát nấu cơm !*

* * *

Và đây là cảnh của đôi nam-nữ thanh-niên, đã cùng nhau thề vàng hẹn ngọc, nhưng chưa nên vợ nên chồng :

*Sáng trăng trải chiếu hai hàng,
Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ.*

Chàng ay-yếm bậc nàng :

*Quay tơ thì giờ mỗi tơ,
 Dầu năm bảy mỗi cũng chờ mỗi anh.
 Chàng đã bảo thiếp như vậy, thiếp cũng :
 Khuyên chàng đọc sách ngâm thơ,
 Dầu hao thiếp rót, đèn mờ thiếp khâu.*

Một thiếu-nữ khác lại :

*Hai tay bưng quả bánh bò,
 Giấu cha giấu mẹ cho trò đi thi.*

Một khi trò đã được tên đứng bảng vàng thì những thiếu-nữ còn son nờ-nức diềm-trang đón tiếp :

*Tai nghe quan huyện đòi hầu,
 Mua chanh cũng khế gọi đầu cho trầu.*

Lại có hạng thiếu-nữ cần-thận hơn, và có lẽ yêu-chuộng những võ-quan gương vàng nắp bạc.

Nếu : *Trai khôn tìm vợ chợ đông,*
 thì : *Gái khôn tìm chồng giữa đám ba quân.*

Thế mới biết những ai hy-sinh xương máu để bảo-vệ non sông, bao giờ cũng được hoan-nginh, trọng-đãi.

* * *

Trong mục khuyến-học này, chúng tôi xin đính-chánh một câu ta thường nghe hát :

*Gió đưa mười tám lá xoài,
 Bên vắn bên vớ có tài hát thi.*

Nghe ra không có nghĩa-lý chi cả !

Câu ấy thực ra là :

*Bảng treo tại chợ Cai Tài,
 Bên vắn bên vớ, có tài ra thi.*

Chợ Cai Tài là một chợ trong tỉnh Long-An (Tái-An cũ).

* * *

c) Nhãn-nại :

Trong mọi việc, trên đường học-vấn cũng như về trăm nghề, người ta cần phải kiên-tâm, nhãn-nại, mới có thể thành-công.

Ta hãy nghe mấy câu ca-đạo khuyên người bền chí, nhãn-nại :

*Phải cho bền chí câu cua,
Mặc ai câu trạnh câu rùa mà mặc ai.*

*

*Ai ơi, đừng chống chọi chầy,
Gắng công mài sắt có ngày nên kim.*

*

*Ai ơi, giữ chí cho bền,
Mặc ai xoay hướng đổi nền mặc ai.*

*

*Thùng-thắng mà lượm hoa rơi,
Ở cho có chí hơn người trèo cao.*

*

*Ai ơi đã quyết thì hành,
Đã đồn thì vác cả cày lên cấy.*

*

*Người đời ai khỏi gian-nan,
Gian-nan có thuở, thanh-nhân có khi.*

*

*Tới đây lạ xứ lạ người,
Trăm bề nhãn-nại đừng cười tôi quê !*

* * *

d) **Giao-thiệp :**

Trong việc xã-giao, thể-nhân cần phải khôn - ngoan, lịch-duyet. Vì vậy, trong sự tiếp-xúc hằng ngày, ca-dao ghi-chép nhiều câu ngộ-nghĩnh :

*Chim khôn kêu tiếng rảnh-rang,
Người khôn nói tiếng dịu-dàng dễ nghe.*

*Chim khôn tránh bầy tránh dồ,
Người khôn tránh kẻ hồ-dồ mới khôn.*

*Chim khôn thì khôn cả lông,
Khôn cả cái lông, người xách cũng khôn.*

*Lời nói chẳng mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.*

*Kim vàng ai nỡ uốn câu,
Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời.*

*Hoa thơm ai nỡ bỏ rơi,
Người khôn ai nỡ nặng lời mà chi.*

Đây là ảnh-hưởng tốt-đẹp của những người xử-sự khôn-ngoa :

*Chồng khôn vợ dặng di giày,
Vợ khôn chồng ắt có ngày làm quan.*

Nếu tục-ngữ Pháp có câu : « Dis-moi qui tu hantes, je te dirai qui tu es » (Anh cho tôi biết anh giao-thiệp với ai, tôi sẽ nói anh là người thế nào) và « Qui s'assemble,

se ressemble» (Gắn nhau thì giống nhau), thì tục-ngữ ta cũng nói : « Gắn mực thì đen, gắn đèn thì sáng » và sách nhỏ bảo rằng :

** Dữ thiện-nhơn cư, như nhập chi lan chi thất;
dữ bất thiện nhơn cư, như nhập bào ngư chi tử *.*

Có người đã dịch thoát như sau :

*Vào lan thất thơm lây chẳng biết,
Gắn thảo ngư nhiễm hết mùi tanh.*

Ca-đao ta nô-m-na hơn, song cũng đầy ý-nghĩa :

*Người hiền khác thể chi lan,
Gắn hơi cho lắm (?) lại càng thơm lây.*

*

Cho đến việc ăn uống tầm-thường, dân ta cũng có những lời khinh-bĩ các kẻ tham ăn, rượu chè :

*Miếng ăn là miếng tối-tàn,
Mất ăn một miếng lợn gan lên đầu.*

*

*Rượu kia nào có say người,
Hỡi người say rượu, chớ cười rượu say.*

Nhưng có khi anh chàng đệ-tử Lưu-Linh cũng cười chưa thẹn :

*Say là say nghĩa say nhơn,
Say thơ Lý-Bạch, say đờn Bá-Nha (1).*

TÌNH GIA-TỘC

a) Hiếu-hạnh :

Trên kia, chúng tôi đã nói kho-tàng ca-dao ở miền Nam không dồi-dào về phần sĩ, nông, công, thương, song đối với tình-cảm thì lại vô-cùng phong-phú.

Đây, chúng tôi xin trình-bày phần thứ ba là « Tình gia-tộc » và dành đoạn nhứt cho « Hiếu-hạnh » vì chữ hiếu của ta là một trong những nguyên-tắc chính của văn-hóa cổ-truyền.

Điều nên nhắc lại là « Lục tỉnh » mới hoàn-toàn thuộc bản-đồ Việt-Nam ba trăm năm nay thì Nho-học làm sao bì kịp đất Thăng-Long ngàn năm văn-vật.

Song le, một là lúc Nguyễn-Trịnh tranh-phong, trong đám người di-cư vào Nam có trà-trộn nhiều ít cụ đồ, kẻ bọn người Tàu đến sanh-cơ lập-nghiệp, đem văn-hóa Trung-Hoa gieo-rắc miền Lộc-Dã Định-Tường.

Rồi sau mới xuất-hiện mấy bậc thâm-nho, khiến nhân-dân hấp-thụ được tinh-thần Tam-giáo.

Với tinh-thần ấy, người Nam đất Việt rất thiết-tha với gia-đình, tôn-trọng Trời Phật, nên ca-dao ta về các vấn-đề này nhiều kẻ sao cho xiết.

Đây, lời than của người đi tìm sinh-kế phương xa :

*Vắng nghe chim vịt kêu chiều,
Bâng-khuâng nhớ mẹ chín chiu ruột đau.
Thương thay chín chữ cù-lao,
Tam niên nhô bộ biết bao nhiêu tình.*

Nghे câu than ấy ai mà không cảm-động !

Ta hãy nghe câu hát của người binh-sĩ nhớ mẹ già :

*Mẹ già ở tấm lều tranh,
Đói no chẳng biết rách lành không hay !*

Tục truyền có một vị quan, nghe câu hát ấy, bảo người binh-sĩ sửa lại như sau :

*Mẹ già ở tấm lều tranh,
Sớm thăm tối viếng mới đành dạ con.*

Theo ý người, như thế mới là hợp với hiếu đạo cho, song chúng tôi xin không đồng ý với người, vì các bạn binh-sĩ mắc chơn quân chơn lính thì làm sao mà sớm viếng tối thăm mẹ già choặng, mà không than-thở như trên.

Một hiếu-tử khác chạnh lòng nhớ mẹ đã gác đầu về núi :

*Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa,
Miệng nhai cơm bún lười lửa cá xương.*

Trông lên bàn thờ nhang tàn lửa tắt, lòng nào mà chẳng động lòng bi-thương :

*Ngó lên nhang tắt đèn lờ,
Mẫu-thôn đau vắng bàn thờ lạnh-tan.*

Rồi khi chịu cực chịu khổ nuôi con, càng rõ tấm lòng hiền-mẫu :

*Lên non mới biết non cao,
Nuôi con mới biết công-lao mẫu-tử.*

Lòng mẹ thương con, hy-sinh vì con, thật là vô bờ bến :

Đã là người Việt, không mấy ai không rõ :

*Gió mùa thu mẹ ru con ngủ,
Năm canh chầy, thức đủ về năm.*

Câu ca-dao này có một âm-điệu réo-rắt, đã được phổ vào âm-nhạc cổ miền Nam.

Tình cha mẹ yêu con như thế, cho nên mặc dầu mộ đạo từ-bi, hiếu-tử không nỡ bỏ mẹ già mà xuất-gia đầu Phật :

*Vô chùa thấy Phật muốn tu,
Về nhà thấy mẹ công-phu chưa đành.*

Đề tự an-uit, hiếu-tử đành tự nhủ rằng :

*Thứ nhất là tu tại gia,
Thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa.*

Và hơn nữa :

*Tu đâu cho bằng tu nhà,
Thờ cha kính mẹ hơn là đi tu.*

*

Thậm phải, ta nên hoan-nginh người con chí-hiếu nhịn mặc nhịn ăn đề dền bồi mây-may công ơn trời biển :

*Ba tiền một khứa cá buổi,
Cung mua cho đặng mà nuôi mẹ già.*

*

*Tôm càng lột vỏ bỏ đuôi,
Giã gạo cho trắng mà nuôi mẹ già.*

Đối với song-thân, con cái đều cung-kính, nên
thường nhắc-nhở tới cả cha lẫn mẹ :

*Ngó lên trời thấy cặp cu dương đá,
Ngó ra ngoài biển thấy cặp cá dương đua.
Đi về lập miếu thờ vua,
Lập trang thờ mẹ, lập chùa thờ cha.
Ơn cha nặng lắm ai ơi,
Nghĩa mẹ bằng trời, chín tháng cưu mang.*

Chúng ta ai cũng biết :

*Có cha có mẹ thì hơn,
Không cha không mẹ như đèn đứt dây,
Mất cha con cũng u-ơ,
Mất mẹ con cũng bơ-vơ một mình.*

Tình-cảnh người con côi thật là long-đong, điều-đúng!

*Bạc bảy đầu sánh vàng mười,
Mồ-côi đầu sánh cùng người có cha.*

Là vì :

*Còn cha gót đỏ như son,
Một mai cha thác gót con chôn bùn.*

Bởi vậy, nên có câu vô-cùng tha-thiết :

*Mỗi đêm mỗi thấp đèn trời,
Cầu cho cha mẹ sống đời với con.*

Cũng cảm-động lời van xin của đứa trẻ thơ, tuy chịu
đường roi vọt, song không hề phiền-trách mẫu-thân :

Má ơi đừng đánh con đau,
 Đề con hát bội làm đào má coi ;
 Má ơi đừng đánh con hoài,
 Đề con câu cá nấu xoài má ăn.

Trước cảnh thiếu-phụ góa chồng định bước thêm
 bước nữa, đứa con lại mượn lời con quạ, mượn cảnh
 trời mưa, bong-bóng vỡ tan như hạnh-phúc mà can mẹ
 chớ đành lòng rời bỏ đứa con cô :

Con quạ nó đứng bên sông,
 Con kêu bố má lấy chồng bỏ con.
 Trời mưa bong-bóng bập-bồng,
 Mẹ đi lấy chồng, con ở với ai.

Nhưng có khi mắc phải đứa con bất-hiểu, mẹ già
 cũng buồn lòng thở-than :

Cha mẹ nuôi con như biển Hồ lai-lãng,
 Con nuôi cha mẹ tính thẳng tính ngày !

* * *

b) Dạy con :

Kề tình cha mẹ thương con, gian-lao khổ-cực,
 dưỡng-dục con từ thuở bé thơ, thì tình sâu như biển mà
 nghĩa nặng bằng non, cho nên dân ta phở tình-nghĩa ấy
 vào câu hát :

Dạy con dạy thuở còn thơ,
 Dạy vợ dạy thuở ban sơ mới về.

Lúc còn thơ-ấu thì cha mẹ dạy con đứng đi
 tề-chỉnh :

Đi dẫu mà vợ mà vàng,
 Mả vấp phải đá mà vàng phải dạy !

Tha-thiết dặn-dò con đừng nhạo-báng bất cứ một ai :

Cười người chớ khá cười lâu,

Cười ta thảng trước thảng sau người cười.

Chẳng bao giờ nên quên người đã thi-án cho ta, như
thầy ta chẳng hạn, phải tìm dịp mà đền-dáp ơn người :

Ăn trái nhớ kẻ trồng cây,

Nào ai vun quén cho mày được ăn.

Ai ai cũng biết rằng con phải tuân lời cha mẹ dạy
răn, vì là :

Cá không ăn muối cá ươn,

Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.

Con có lỗi-lầm việc chi tai hại mẹ dùng câu hát
răn con :

Một lần cho tởn tới già,

Đừng đi nước mặn mà hà ấn chơn.

Mẹ dạy con gái :

Con gái lớn lên, mười lăm mười bảy, thì mẹ đã
căn-dặn giữ-gìn nết-na cho đoan-chính :

Ra đi mẹ có dặn rằng,

Làm thân con gái chớ ăn trầu người.

Chừng có đôi cô bạn rồi thì :

Con gái có hai bến sông,

Bến đục thì chịu hến trong thì nhờ.

Trong nhờ đục chịu, không nên «lộn nài tháo ống»
mà mang tiếng là gái lộn chồng :

*Trăm năm trăm tuổi may rủi một chồng,
Dầu ai theo phụng vẽ rồng mặc ai !*

Thiếu-nữ nào vẹn toàn công ngôn dung hạnh thì kẻ kính người vì, chứ ai có màng chi người đẹp mà trách-nết lằng-lơ :

*Tốt gỗ hơn tốt nước sơn,
Xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người.*

Cha dạy con trai :

Với con trai thì cha bảo làm sao cho tròn nhơn-đạo :

*Công cha nghĩa mẹ chớ quên,
Ơn vua lộc nước mong đền ơn ơn.
Như vậy mới gọi rằng trai,
Trên lo nghĩa chúa, dưới mài thảo thân.*

Cha lại còn nhắc-nhở :

*Chữ rằng hồ tử lưu bì,
Làm người phải đề danh gì hậu lai.*

Và :

*Làm sao giữ trọn đạo ba,
Sau dầu có thác cũng là thơm danh.*

Trong sự lập thành gia-thất, cha mẹ dạy con, đối với cha mẹ vợ, cũng luôn luôn đối-đãi cho ra vẻ con nhà :

*Tới đây thủ lễ nghiêng mình,
Dầu không đặng vợ cũng tình mẹ cha.*

Rủi cơm không lành canh không ngọt thì :

*Bình-phong cần ốc xà-cừ,
Vợ hư đề vợ đừng từ mẹ cha.*

c) Tình yêu :

Nói về hiếu-hạnh và phụ-mẫu chi tình biết sao cho cùng tận.

Giờ chúng tôi xin trình-bày mấy câu về ái-tình giữa đôi thanh-niên nam nữ.

Trên giải đất màu-mỡ này, dưới đồng trên rẫy, có thể nói là một xứ hoàn-toàn sống nhờ nghề nông, câu hát giọng hò dưới trời xanh, trong gió mát, thường làm cho nông-phu quên mệt nhọc :

*Tới đây chẳng hát thì hò,
Chẳng phải như cò ngóng cò mà nghe.*

Và trong sự đụng chạm hằng ngày giữa nam-nữ thanh-niên sao cho khỏi nảy sinh một mối ái-tình, ái-tình trong-sạch, không vượt ra ngoài vòng phong-hóa lễ-nghi.

Chọn đá thử vàng :

Ban sơ, vì rằng :

*Muốn lên non tìm con chim lạ,
Chớ chốn thị-thiền chim chạ thiếu chi.*

Nên chàng trai tỏ nỗi ước-mong :

*Lên non chọn đá thử vàng,
Thử cho đúng lượng mấy ngàn cân mua.*

Rồi, mặc dầu đã gặp ý-trung-nhân là một thiếu-nữ đức-hạnh vẹn toàn, chàng còn cần-thận, dọ thử lòng nàng xem sao :

*Đến đây dầu dúi giả no,
Dầu khôn giả đại dạng dò ý em.*

Nếu may-mắn gặp nàng thì chàng vội ngỏ lời tán-tình :

*Trúc xinh trúc mọc đầu đình,
Bậu xinh bậu đứng một mình cũng xinh.*

Và :

*Tóc em dài, em cài bông hoa lý,
Miệng em cười có ý anh thương.*

Hai câu ca-dao tuy mộc-mạc này nhưng hữu-tình hữu-ý có thể sánh chẳng với mấy câu Kinh-Thi :

*Quan quan thư cưu,
Tại hà chi châu ;
Yêu-diệu thực-nữ,
Quân-tử hảo cưu.*

Xin tạm dịch :

*Thư cưu tiếng rộn bên sông,
Khéo thay thực-nữ anh-hùng đẹp đôi.*

Nàng chẳng phải là hạng hoa tường liễu ngổ, cho nên vẫn giữ vẻ nghiêm-ngộ đối với chàng :

*Xâm-xâm bước tới cây chanh,
Lăm-le muốn bẻ, sợ nhành chóng gai.*

Thâm nghiêm kín cổng :

Và lại, thâm nghiêm kín cổng cao tường, chàng phải thờ-than :

*Thấy em như thấy mặt trời,
Thấy thời thấy vậy (mà) trao lời khó trao.*

và :

*Tìm em như thề tìm chim,
Chim ăn biển bắc, đi tìm biển đông.*

Chàng không biết làm sao, mới :
*Lên non bẻ lá họa hình,
Họa cho thấy mặt kẻ tình nhớ thương.*

Ái-tình bậc-lộ luôn cả trong giấc ngủ :
*Đêm nằm tư-tưởng tưởng-tư,
Chiêm-bao thấy bậu dậy rồi chiều không !*

Chàng tỏ lời khuyên ai nên lựa người mà “trao tơ
phải lứa, gieo cầu đáng nơi”, vì :

*Ngồi bên cửa sổ chạm rờng,
Chấn loan gối phụng không chông cũng hư.*

Chàng lấy câu hiệu-đạo mà nhấn-nhủ :

*Con cá đối nằm trong cối đá,
Chim đa-đa đậu nhánh đa-đa.
Anh biều em đừng lấy chồng xa,
Ở nhà cha yếu mẹ già,
Bát cơm ai đỡ, kỷ trà ai nâng.*

Câu ca-dao này đối từng vế lại là một lời khuyên
chí lý chí tình, hiếm có vậy thay !

Gã si-tình tỏ tình yêu-dương một cách rõ-rệt :

*Cây trên rừng hóa kiền,
Cá dưới biển hóa long,
Con cá lòng-tong ăn bóng ăn rong ;
Anh đi lục tỉnh giáp vòng,
Đến đây trời khiến đem lòng thương em.*

Muốn đặng gần người ngọc, chàng không ngần-ngại
chi mà chẳng hạ mình, tạo một cảnh vừa buồn-cười, vừa
thương-hại :

*Đi ngang nhà má,
Tay tôi xá, cẳng tôi quì.
Lòng thương con má, sá gì thân tôi.*

Đối với thiếu-nữ, chàng lại vỗ-về, khuyến-khích :

*Hai đứa mình đành,
Phụ-mẫu cũng đành.*

Cha mẹ đâu nỡ dứt duyên lành của con. Nhưng
trước những khó-khăn, khi thì chàng tự an-ủi :

*Thôi thôi bớt thăm giãm sầu,
Gối loan chẳng đặng giao đầu thời thôi !*

*Lửa nhen vừa mới bén trầm,
Trách lòng cha mẹ nỡ cầm duyên con.*

Có lúc nổi thất-vọng tràn-trề làm cho chàng muốn
mượn nước càn đương mà rưới tắt lửa tình :

*Củ đậu nấu đậu ra dầu,
Lấy em không đặng cạo đầu đi tu !*

Vì tình yêu quá ư bùng-bột mà anh chàng lắm lúc
có thái-độ sỗ-sàng, thì nàng bảo hấn :

*Thôi thôi buông áo em ra,
Đề em đi chợ kéo mà chợ trưa.
Thôi thôi buông áo em ra,
Đề em đi bán kéo hoa em tàn,*

Nhưng chàng một hai gần bó :

*Hoa tàn thì mặc hoa tàn,
Anh mới gặp nàng, nàng bảo anh buông.*

*

(Anh đây như thề) :

*Rượu nằm trong nhạo chờ nem.
Anh nằm phòng vắng chờ em một mình.*

Với chàng tư-cách đứng-đăng, thiếu-nữ không nỡ
nặng lời, song cũng hoài-nghi, lưỡng-lự mãi :

*Linh-dinh một chiếc thuyền tình,
Mười hai bến nước, (biết) gởi mình vào đâu.*

Nàng tỷ thân mình như tấm lụa đào, như hạt mưa
rào, như hạt mưa sa :

*Thân em như tấm lụa đào,
Phất-phơ giữa chợ biết vào tay ai ?*

*

*Thân em như hạt mưa rào,
Hạt sa bãi cát, hạt vào vườn hoa.*

*

*Thân em như hạt mưa sa,
Hạt vào đồng nội, hạt sa vũng lầy.*

Mặc dầu anh chàng không nản lòng thối chí, nàng
phải tỏ phận mình là con nhà gia-giao lễ-nghi :

*Bông ngâu rụng xuống cội ngâu,
Em còn phụ-nẫu đắm đầu tư-tình,*

*

*Phụ-mẫu sở sanh
 Đề cho phụ-mẫu định,
 Em đâu dám tư-tình,
 Cải lệnh mẹ cha.*

*

*Phụ-mẫu sở sanh
 Đề cho phụ-mẫu định,
 Trong việc vợ chồng, chờ lệnh mẹ cha.*

Toại-nguyện :

Song anh chàng gấn bó mãi, thiếu-nữ rồi cũng xiêu lòng :

*Chuông già đồng điệu chuông kêu,
 Anh già lời nói, em xiêu tấm lòng.*

Tuy vậy, nàng chưa hề suồng-sã :

*Gặp mặt anh đây em chẳng dám chào
 Sợ cha mẹ hỏi, thằng nào biết con.*

Đến chừng đôi bên đã hiểu nhau thì có mấy lời hứa-hẹn :

*Sông dài cá lội biệt tăm,
 Phải duyên phu-phụ ngàn năm cũng chờ.*

*

*Chim chuyền nhành ớt lú-lo,
 Lòng thương quân-tử ồm-o gãy mồn.*

*

*Trăm năm ai chớ bỏ ai,
 Chỉ thêu nên phụng, sắt mài nên kim.*

Rồng châu ngoài Huế
 Ngựa tể Đồng-Nai,
 Nước sông trong chảy lộn sông ngoài,
 Thương người xa xứ lạc-loài đến đây.

Bây giờ lòng đã rõ lòng thì bao nhiêu khổ-cực nào
 có ngại chi miễn là chàng thiếp đặng gần :

Thương nhau tam tứ núi cũng trèo,
 Thất bát giang cũng lội, cửu thập đèo cũng qua.

Trái hẳn với lời than-văn buổi đầu tiên :

Đèn nào cao bằng đèn Châu-Đốc,
 Đất nào dốc bằng đất Nam-Vang ;
 Một tiếng anh than đôi hàng lụy nhỏ,
 Có chút mẹ già biết bỏ cho ai !

Đôi thanh-niên nam nữ trao đổi với nhau những câu
 đậm-dà tha-thiết :

Cây da cũ,
 Con én rữ,
 Cây da tàn,
 Bao nhiêu lá rụng, (anh) thương nàng bấy nhiêu.

*

Giả dò mua khế bán chanh,
 Giả đi đòi nợ, thăm anh kéo buồn.

Nhưng lúc chia tay :

Thương nhau cỡi áo cho nhau,
 Về nhà mẹ hỏi, qua cầu gió bay.

Mặc dầu mẫu-thân nghiêm-khắc, gạn hỏi con, vì áo
 mặc trong mình mà gió bay đi được thì thật là vô lý :

*Gió bay cầu thấp cầu cao,
Gió bay cầu nào con chỉ mẹ coi.*

Cái cảnh tài-tử giai-nhân như sau đây, kè ra cũng thắm-thía :

*Ba phen lên ngựa mà về,
Cầm cương níu lại, xin dề câu thơ.
Câu thơ ba bốn câu thơ,
Câu đợi, câu chờ, câu nhớ, câu thương.*

Chỉ có bốn câu chất-phác mà ta thấy trong đây cả Đồ-Chiều lẫn Tiên-Điền :

Mới hiệp đà tan :

Song cuộc đời có hiệp có tan, không có chi là trường-cửu.

Tội nghiệp người thiếu-nữ mang nặng khối tình, mọi mắt trông ai :

*Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,
Nhớ người áo trắng khăn điều vắt vai.*

*

*Anh đi đàng ấy xa xa,
Đề em ôm bóng trắng tà năm canh;
Ai đi bờ đắp một mình,
Phất-phơ chéo áo giống hình lang-quân.*

*

*Anh về Giồng-dứa qua truông,
Gió lay bông sậy dề buồn cho em.*

Tình-trạng này cần phải chóng được hợp-thức-hóa, không nên dề duy-trì :

*Trời mưa vẫn-vũ,
Ngó xuống Âm-phủ,
Đá dựng tư bề;
Làm sao cho trọn nghĩa phu thê,
Đây chồng đó vợ đi về có đôi.*

*

Rời-ra :

Đôi nhân-tình có khi tạo cảnh gia-đình đầm-ấm vui
tươi, nhưng lại có khi, vì một lẽ gì, mà :

*« Anh đi đành anh tôi đành tôi,
« Tình nghĩa đôi ta có thể thôi !*

Lỗi ấy tại nơi ai ?

Tại bên nam ư ?

Ta hãy nghe lời than-phiền bên nữ :

*Nào khi nặng gánh em chờ,
Qua trường em đợi, bây giờ phụ em !*

Và thái-độ của người thanh-niên như vậy có phải là
đáng trách chăng ?

*Nhận đậu cành thung,
Giương cung bắn nhận ;
Con nhận lụy rồi, làm bạn với ai ?*

Không, anh không thương-tiếc chỉ người cố-cựu vì
anh dạng mới nói cũ, mà người mới của anh nào có
giá-trị gì :

*Lựa mười lăm (anh) chê rằng lựa vụn,
Anh mắc lựa hồ, đành bụng anh chưa ?*

Người bị phụ-tình nhẫn-nhủ :

*Anh đừng ham bông quế,
Mà bỏ phũ bông lài;
Mai sau quế rụng, bông lài thơm dai.*

Rồi nàng buông lời than-thở :

*Ngời-nhân mỏng-dánh,
Như cánh chuồn-chuồn;
Khi vui nó đậu, khi buồn nó bay!
Đường dài ngựa chạy cát bay,
Ngời-nhân thăm-thăm một ngày một xa!*

Có lẽ tại nàng nghèo, cho nên chàng mới tham
đăng bỏ đó :

*Thiếp than cha mẹ thiếp nghèo,
Thiếp than phận thiếp như bèo trôi sông.*

Nàng càng nghĩ càng tủi-hồ cho thân :

*Gió đưa bướm hạnh rảnh-rang,
Tiếng như thiếp chịu, dề chàng danh thơm.*

*Trách lòng quân-tử bìa danh,
Chơi hoa rồi lại bẻ nhành bán rao!*

Và thốt lời hối-hận :

*Ở xa không biết nên lăm,
Bây giờ rở lại vàng cãm cũng buông.*

Lại mạnh-dạn tỏ cho ai biết là nàng không sợ
lũ-làng đầu :

*Sông sâu nước chảy ngập kiêu,
Dẫu anh có phụ còn nhiều nơi thương.*



Trong một trường-hợp khác, rời-rã tình-duyên.

Lời về phần thiếu-nữ :

Bây giờ đây là tại anh nghèo :

*Gặp mặt anh đây em chẳng muốn chào,
Hay là em có chốn sang giàu hơn anh ?*

Đã chê anh nghèo, không xứng đáng kết duyên phu-phụ cùng em thì thôi :

*Chọn nơi sang-cả,
Tía má gả em nhờ ;
Anh đây nghèo-khổ, biết chờ đợi không ?*

Em hãy vui lòng mà theo mỗi phú-quí :

*Gió đưa bông lách bông lau,
Gió đưa em bậu xuống tàu Ấng-lê.*

Cũng có lẽ nàng không được chính-chuyên, cho nên anh mới chán-chê nàng :

*Trống treo ai dám đánh thùng,
Bậu không ai dám dờ mừng chun vô.*

*

*Trăng tròn thì mặc tròn trăng,
Bậu xinh mặc bậu, bậu xứng anh chê !*

*

*Bậu nói với qua bậu không bẻ lựu hái đào,
Lựu đâu bậu bọc, đào nào cầm tay ?*

Thật là mỉa-mai :

*Gần sông cội mới ngã kẻ,
Tiếng-tâm anh chịu em về tay ai !*

và anh buông một tiếng thở dài, ai nghe mà không xót dạ :

*Trăm năm đầu lỗi hẹn-hò,
Cây đa còn đó con đò khác đưa.*

Chán-nản, anh nhứt-định vĩnh-viễn xa nàng và thể chẳng bao giờ còn gặp lại nhau :

*Chừng nào đá nổi vòng chìm,
Muối chua chanh mặn, mới tìm được anh.*

Tại mai-dong :

Có khi xa nhau chỉ bởi tại mai-dong :

*Cây oải vì bởi trái sai,
Xa em vì bởi ông mai ít lời.*

*

*Xấu tre uốn chẳng nên cần,
Xấu mai anh chẳng động gần với em.*

*

*Lộ bất hành bất đáo,
Chung bất dã bất minh.
Bây giờ anh mới rõ tình,
Tại bà mai ở độc, hai đứa mình xa nhau.*

* * *

* d) Tình chồng-vợ :

Nói đến ái-tình giữa thanh-niên nam nữ, chúng tôi không quên nhắc rằng do sự tình-cờ gặp-gỡ mà có khi nên vợ nên chồng.

Ta lại nên nhớ rằng : tình-yêu giữa đồng-bào bình-dân là một mối tình chân-chính thường đưa tới hôn-nhân.

Trên sông gặp gỡ :

Độc-giả hãy tưởng-tượng một buổi chiều trên dòng sông, giông mưa đe-dọa, trời đất tối-tăm, hai chiếc thuyền buôn chiếc sau chiếc trước, chậm-chậm tiến trên làn sóng bạc.

Màn cảnh này không phải là hiếm tại Nam-Việt, là nơi có nhiều sông rạch.

Thoạt trong thuyền trước, kìa ai cất tiếng hát lên :

*Bớ ghe sau, chèo mau anh đợi,
Kéo giông tới rồi, trời lại tối-tăm.*

Thuyền sau có người hát đáp :

*Bớ ghe ai, chờ đợi em cùng,
Che em chờ nặng, vầy-vùng không lên.*

Sau năm ba câu trao đổi, đôi đàng được quen nhau và một thời-gian sau, nên duyên cầm sắt.

Phận gái chữ tòng :

Nếu có cô thiếu-nữ :

*Vai mang khăn gói thẳng xông,
Mẹ kêu mặc mẹ, theo chồng (con) phải theo.*

thì lại có nàng từ-giã song-thân đề cất bước theo chồng theo phong-tục, lễ-nghi :

*Rượu lưu-ly chơn quì tay rót,
Cha mẹ uống rồi, dời gót theo anh.*

Có người hỏi :

*Che bầu trở lái về đông,
Con gái theo chồng bỏ mẹ ai nuôi ?*

Thì nàng trả lời :

*Mẹ tôi đã có người nuôi,
Tôi theo chú lái cho xuôi một bề.*

Là vì phận gái chữ tòng :

*Con vua lấy thẳng bán than,
Nó dắt lên ngàn cũng phải đi theo.*

Ta hãy nghe thiếu-nữ tỏ nỗi lòng qua câu hát ví :

*Lầu nào cao bằng lầu ông chánh,
Bánh nào trắng bằng bánh bò bông,
Đạo nào sâu cho bằng đạo vợ chồng,
Năm đêm nghĩ lại nước mắt hồng tuôn rơi.*

và :

*Đạo nào bằng đạo phu thê,
Tay ấp má kề, sanh tử có nhau.*



Gia-dình đầm-ấm :

Đây là cảnh vợ chồng hưởng hạnh-phúc gia-dình, trong êm ngoài ấm :

“Giá thú bất khả luận tài” và cưới dâu chỉ cốt được người hiền-đức, cho nên :

*Phụng-hoàng đầu đỏ mỏ đen,
Ra đi phụ-mẫu đặng, gặp em kết duyên.*

là bởi em là người vẹn toàn tứ đức :

*Trắng như bông lòng anh không chuộng,
Đen tựa than hăm lòng muốn dạ ưng.*



Gió đưa gió đẩy bông trang,
 Bông búp về nàng, bông nở về anh.

 Sóng bên doi bờ vời bên vịnh,
 Đôi lứa mình trời định đã lâu.

 Song-song đôi cửa để cho em gái,
 Dầu mưa gió tạt, tạt ngoài mái hiên.

 Trăm năm ước bạn chung-tình,
 Trên trời dưới đất có mình với ta.

 Chừng nào đá nát vàng phai,
 Biên Hồ lấp cận mới sai lời thề.
 Trăm năm lòng gắn dạ ghi,
 Dẫu ai đem bạc đổi chì cũng không.

 Quạ kêu nam đáo nữ phòng,
 Người dung khác họ đem lòng nhớ thương.
 Chỉ điều ai khéo vãn-vương,
 Mỗi người một xứ mà thương nhau đời.

 Chim quên ăn trái nhãn lồng,
 Thia-thia quen chấu, vợ chồng quen hơ.

Tình-nghĩa vợ chồng đậm-đà xiết bao, vợ quá yêu-kính chồng nên có khi thốt ra những lời đáng chê, song đó chỉ là một vô-ý-thức của một lúc hạnh-phúc say-sưa :

 Mẹ cha bú mớm nằng-niu,
 Tội trời thì chịu, không yêu bằng chồng.

Nếu tôi không làm thì, với ý-trung-nhân, người thanh-niên Pháp, đề tỏ tình yêu-dương, thốt ra câu: «Tôi thương nàng hết lòng hết dạ» (Je vous aime de tout mon coeur). Hoặc là: «Tôi thương nàng hơn cả tấm thân tôi» (Je vous aime plus que moi-même).

Thanh-niên đồng-quê ta, về tình yêu, thiết-thực hơn, song kết-quả cũng làm cho người thương mất dạ:

*Than rằng gối gấm không êm,
Gối lụa không mềm bằng gối tay em.*

Ngôi đình là tòa nhà to nhứt trong làng, thể mà, khi anh chị dắt nhau đi lễ thần, cùng nhau đứng trước sân đình, xem hoa ngắm cảnh, chồng nhìn vợ và âu-yếm bảo rằng:

*Đôi ta đứng trước sân đình,
Đình bao nhiêu ngói (anh) thương mình bấy nhiêu.*
Anh lại thương em từ ngàn xưa nữa kia:

*Sao vua chín cái năm kê,
Thương em hồi thuở mẹ về với cha.*

*Sao vua chín cái năm ngang,
Thương em hồi thuở mẹ mang trong lòng.*

Đối với vợ, chồng rất là nhân-nhượng:

*Lên xe nhường chỗ (con) bạn ngồi,
Nhường nơi bạn dựa, nhường lời bạn trao.*

Nàng dâu mụ gia:

Cái cảnh làm dâu không phải là không cay-dắng, nhưng chúng tôi xin nói ngay rằng lời nhận-xét này chỉ đúng với ít nhiều tục-lệ xưa, mà có lẽ nay không còn nữa:

*Trách cha trách mẹ nhà chồng,
Cầm cân chẳng biết là vàng hay thau,
Thật vàng chẳng phải thau đâu,
Đừng đem thử lửa mà đau lòng vàng.*

Anh chồng chỉ có nước khuyên-dỗ :
*Vàng thời thử lửa thử than,
Người khôn thử tiếng, người ngoan thử lời.*

Tội nhút là bà gia, lẽ đâu bà quên rằng :
*Con gái là con người ta,
Con dâu mới thật mẹ cha mua về.*

Nhiều bà mẹ chồng xưa bắt nhật bắt khoan, một niềm cay-nghiệt, cho nên ràng dẫu mới bực-tức thốt ra những lời quá đáng :

*Chồng thương chẳng nệ chi ai,
Đũa bếp cho dài, gắp cổ mụ gia.
Thương chồng phải khóc mụ gia,
Gẫm tôi với mụ có bà con chi !*

Thấy vợ buồn-rầu, chồng khuyên hỏi :
*Chi tơ rối-rắm trong cuồng,
Rối thì gỡ rối, em buồn việc chi ?*

Vợ đáp :
*Em buồn vì nổi vân-ví,
Bạc lộn với chì, đôi chẳng xứng đôi.*

và hỏi lại :

*Đêm khuya thiếp mới hỏi chàng,
Cau khô ăn với trầu vàng xứng chăng ?*

Ngay dũa bát còn có khi xô-xát, hướng chi vợ chồng, tất có lúc cũng lo tiếng cùng nhau, nhưng :

Đốn cây ai nỡ dứt chồi,

Đạo chồng nghĩa vợ, giận rồi lại thương.

Anh chồng nào nỡ nhẫn tâm với vợ, một khi nàng đã thốt :

Đang tay đánh thiếp sao đành,

Tấm rách ai vá, tấm lành ai may ?

Trong đạo vợ chồng, mỗi người nên nhìn nhau một chút :

Chồng giận thì vợ bớt lời,

Cam sôi bớt lửa, một đời không khê (khét).

Ghen tương :

Vấn biết, « nhân vô thập toàn », ai chẳng có những thói hư tật xấu, đàn-ông thì trách đàn-bà hay ghen tương :

Ớt nào là ớt chẳng cay,

Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng.

Vôi nào là vôi không nong,

Gái nào là gái có chồng chẳng ghen.

Những đàn-bà ghen phải đâu là ghen vô cớ, vì :

Sông bao nhiêu nước cũng vừa,

Trai bao nhiêu vợ cũng chưa vừa lòng.

và : *Đàn-ông năm bảy lá gan,*

Lá thì cùng vợ, lá toan cùng người.

Tâm-lý con người thật là phức-tạp :

Tới đây lặt miệng thêm chanh (1)

Mặc dầu là :

Ở nhà đã có cam sành chín cây.

mới lạ ! cho nên, thiếu-phụ chê-bai thái-độ chàng không đàng-hoàng là phải :

*Chợ chiều nhiều kẻ ẽ chanh,
Nhiều con gái lạ nên anh chàng-ràng.*

Vợ đẹp-đẽ lại hiền-đức mà anh phụ-phàng, anh lại đi
nhân-tình nhân-ngãi với người không ra gì :

*Đưa mun bịt bạc anh chề,
Đưa tre lau cạnh anh mê nổi gì?*

*Cam sành (anh) chề đắng chề hôi,
Hồng rim chề lợt, cháo bồi khen ngon!*

Anh làm cho bạn tóc-tơ của anh sâu-thẳm, hát lên
những giọng như khóc như than :

*Gió đưa bụi chuối sau hè,
Anh mê vợ bé bỏ bề con thơ!*

*Ài làm cho dạ em buồn,
Cho con bướm lụy, chuồn-chuồn lụy theo.*

*Lan huệ sầu ai cho nên lan huệ héo,
Lan huệ sầu chồng, trong héo ngoài tươi.*

Nhưng cái ghen của thiếu-phụ đây là ghen bình-tĩnh,
êm-thắm, của những người có giáo-dục, chỉ biết khuyên
chồng chớ mê say bóng sắc :

*Trắng da vì bởi phấn giời,
Đen da vì bởi em ngồi chợ trầu.*

mà phải xử-sự cho tròn :

*Mới yêu thì cũ cũng yêu,
Mới có mỹ-miêu, cũ có công-linh.*

Đôi khi, cảm vì lời khuyên chánh-dáng của bạn tao-
khang và chán ngắt người tình-nhân đồng-dãnh, anh chàng
cương-quyết thốt lời nghiêm-khắc :

Vợ ba con anh còn dè dặt,
 Huống chi nàng ngọn cỏ phất-phơ ;
 Ngọn cỏ phất-phơ, ngọn cỏ phơ-phất.
 Nồi đồng sôi, nồi đất cũng sôi ;
 Đói ta duyên mãn tình rồi,
 Bậu phân cho phải, lại rồi sẽ đi.

Đức hy-sinh của phụ-nữ :

Chẳng lựa phải nói, độc-giã cũng thừa hiểu rằng trong việc nội-trợ tề-gia, đức hy-sinh của phụ-nữ Việt-Nam thật vô bờ bến :

Chúng ta hãy nghe những câu hát sau đây :

Có con phải khổ vì con,
 Có chồng phải gánh giang-sơn nhà chồng ;
 Có chồng phải lụy cùng chồng,
 Đắng cay phải chịu mặn nồng phải theo.
 Lên non thiếp cũng lên theo,
 Tay vịn chân trèo, hái trái nuôi nhau.

Đi dâu cho thiếp theo cùng,
 Đói no thiếp chịu lạnh-lùng thiếp cam.

Cảnh chia-ly :

Nhưng nếu vì hoàn-cảnh bắt buộc mà không được theo chồng, thì vợ lại an-ủi :

Anh đi em ở lại nhà,
 Hai vai gánh nặng, mẹ già con thơ.

Khi chồng đi vắng, các bạn nữ-nhi không khỏi buồn lòng :

*Anh đi lưu-thú Bắc-thành,
Đề em khô héo như nhành mai khô,
Phụng-hoàng lẻ bạn sầu tư,
Em đây lẻ bạn cũng như phụng-hoàng.*

Buồn thì buồn vậy, nhưng vẫn không quên nhiệm-vụ khuyên chồng ra đi, tức là không ngại hy-sinh vì chính-ngĩa :

*Anh ơi phải lĩnh thì đi,
Cửa nhà đơn-chiếc đã thì có em.*

Mấy câu hát trên đây có lẽ ra đời dưới thời Gia-Long, vì sau khi thống-nhứt san-hà, Gia-Long còn bắt lính trong Nam đem ra Trung Bắc xây đồn đắp lũy.

Tổng-trấn Gia-định-thành lúc bấy giờ là Lê-văn-Duyệt nhiều phen nhắc nhà vua thả lính về quê, bởi Gia-Long có hứa ngày nào thâu-phục cơ-đồ thì lính Nam-Việt được phóng-hồi hương-tức, song Gia-Long tái-tam khuyến-dụ, chớ chưa chịu giải-quân, làm cho chinh-phụ ôm mối hận tình :

*Ra đi, em một ngó chừng,
Ngó sông, sông rộng, ngó rừng, rừng cao.*

mà chinh-phu cũng gan bào ruột thắt :

*Lên xe túc một tiếng còi,
Thương con nhớ vợ, lệnh đòi phải đi.*

*Tàu xúp-lê một, còn thương còn nhớ,
Xúp-lê hai, còn đợi còn chờ,
Xúp-lê ba, tàu ra biển Bắc,
Tay vịn song sắt, dặm căng kêu trời,
Đội ta mới ngỏ, (niè) ông trời đây đi xa.*

Và đây là thơ-tín của anh "lính khố xanh" dưới thời Pháp-thuộc :

*Cách một khúc sông kêu rằng cách thủy,
Sàigòn xa, chợ Mỹ cũng xa,
Gởi thơ thăm hết nội nhà,
Trước thăm phụ-mẫu sau là thăm em.*

*

Vợ chồng khuyên nhau :

Những khi bóng ác xế tà hoặc đêm khuya canh vắng, vợ chồng thường khuyên-báo nhau nhiều câu thăm-thía đậm-dà :

*Muốn trông bậu uống nước dừa,
Muốn nên cơ-nghiệp phải chờ lang-vân
Tinh vợ chồng không nên xao-lãng :
Tay bưng đĩa muối chén gừng,
Gừng cay muối mặn xin đừng bỏ nhau.
Mỗi khi vợ đi xa thì chồng âu-yếm dặn :
Ra đi anh có dặn rằng :
Sông sâu đừng lội, dò dẫm đừng sang.*

Vợ có làm hư-hao đồ-đạc trong nhà thì chồng vội vàng bảo :

*Rủi tay xáng bề ô đồng,
Của chồng công vợ, bề rồi thời thôi !*

Về phần vợ thì không quên nhắc-nhở chồng nên trọng đức-hạnh hơn là nhan-sắc :

*Cùi tre dễ nấu,
Vợ xấu dễ xài ;
Lấy chi (con) vợ tốt, (nó) hành-hài tẩm thân,*

Rủi chồng có vợ bé thì vợ lại khuyên :

*Lập vườn thì phải khai nương,
Làm trai hai vợ phải thương cho đồng.*

Vẫn biết ít nhiều bút nghiên, đôi khi vợ hỏi chồng :

*Quân-thần cang,
Phụ-mẫu cang,
Phu-thê cang,*

Em đỡ anh ba cang, cang nào là trọng ?

Chồng cũng là người xử-sự vẹn toàn, đáp lại :

*Làm trai giữ trọn ba giềng,
Thảo cha ngay chúa, vợ hiền chớ vong.*

Nhưng có khi gặp phải anh chồng chơi-bời, lêu-lồng, chẳng đoái-hoài đến vợ con, vợ cũng chỉ biết giữ tròn đạo vợ :

*Thiện ác đáo đầu chung hữu báo
Cao phi viễn tâu dã nan toàn,
Anh có hung-hoang đảng-tử,
Em phú dư ông trời vàng,
Em giữ trọn niềm phu-phụ rõ-ràng anh coi.*

Ly-dị :

Chắc độc-giả cũng biết ở bất cứ nơi đâu, không phải người phụ-nữ nào có gia-đình cũng đều như ý-nguyện, hạnh-phúc dồi-dào.

Nhiều khi, lâm vào cảnh bần-hàn, thiếu-phụ than-thở qua hàng nước mắt :

*Tướng lấy anh cho lành mệnh áo,
Lấy anh rồi bán áo nuôi anh.*

Cảnh như vậy thật là ái-ngại nào-nùng !

Rồi từ chỗ bà già cay-nghiệt, đức ông chồng phóng-túng chơi-bời, đến cái sự ly-dị nhau cũng chẳng xa chi mấy :

*Khó than khó thở, khó nổi phân-trần,
Tóc không xe lại rồi, ruột không dần lại đau.
Trách ai ăn giã bỏ bìa,
Khi thương, thương với, khi lìa, lìa xa.*

*Đồng-hồ hư vì bởi dây thiếu,
Xe anh vì bởi chỉ điều xe lơi.*

Chàng cũng chỉ biết tỏ-than cho tình-duyên ngắn-ngủi :

*Kiềng hư đề vậ sao đành,
Ra tay sửa kiềng, không thành thì thôi.
Trong thâm-tâm, chàng không khỏi tự thú :
Cục đá lặn nghiêng lặn ngửa,
Khen ai khéo sửa,
Cục đá lặn tròn ;
Giận thời nói vậ, dạ (anh) còn thương em.*

Rồi khi thiếu-phụ sửa-soạn về nhà cha mẹ, yêu-cầu chồng một chuyện nhỏ-nhen :

*Ví dầu tình chẳng yêu-đang,
Xin đưa thiệp xuống dò ngang thiệp về.
Và xin một vật chi đề làm kỷ-niệm :
Một mai thiệp có xa chàng,
Đôi bông thiệp trả đôi vàng thiệp xin.
Đưa nàng trở về nhà cha mẹ vợ, chàng khuyên-lon :*

*Tại mẹ cha dứt tình tơ nguyệt,
Khuyên em đừng trực-tiết uống công.*

Chàng phải buộc lòng quên tình trọng hiếu, vì lẽ :

*Mẹ với cha thật là khó kiếm,
(chớ) Đạo vợ chồng chẳng hiếm chi nơi.*

Lời khuyên ấy chỉ làm cho thiếu-phụ đau-dớn tâm-
can :

*Qua cầu than thở cùng cầu,
Cầu bao nhiêu nhịp, dạ (em) sầu bấy nhiêu !*

Về quê xưa, chị em lạt-lẻo, hàng xóm chê-bại :

*Mèo lành ai nỡ cắt tai,
Gái hư chồng dề, khoe tài với ai.*

Nàng một lòng thệ quyết, trọn đời chẳng ôm cầm
thuyền ai, mặc dầu chàng khuyên nàng đừng trực-tiết ;

*Trăm năm trăm tuổi may rủi một chồng,
Dầu ai thêu phụng vẽ rồng mặc ai !*

IV

PHONG-TỤC THÔN-QUÊ

a) Phong-tục tổng-quát :

Mặc dầu ca-dao Nam-Việt chuyên tả tình tả cảnh, song ca-dao còn là tiếng nói của các bạn bình-dân, nó là sản-phẩm của đồng-ruộng, của làng-mạc sau lũy tre xanh, nên nó phản-ảnh cả phong-tục tập-quán của dân quê ta vậy.

Bởi thế cho nên, chúng tôi dành riêng một mục, mục thứ tư này, đề nhắc lại những câu ca-dao mô-tả đời sống và tâm-lý của đồng-bào chốn thôn-quê, vì ở đây, ta mới thấy rõ những tính-tình chất-phác, những đức-tính cổ-hữu của giống nòi.

Dân ta thuở trước cũng như dân quê bất cứ nước nào, vẫn có nhiều thành-kiến sai lầm như :

Con vua thì dậy làm vua,

Con sãi ở chùa đi quét lá đa.

và dị-doan :

Mồng năm mươi bốn hăm ba,

Cứ ba ngày ấy đừng ra đi đường.

Họ còn nghiêm-cấm con, không cho con làm nghề hát bội :

Trồng trầu trồng lộn với tiêu,

Con theo hát bội mẹ liều con hư.

vì cho là "xướng ca vô loại" :

*Ví đầu cá bóng xích-đu,
Tôm càng hát bội, cá thu cầm châu.*

*

Trong chương phong-tục này, chúng tôi xin thêm vài câu nhận-xét về tình-tượng :

*Mười ba trăng lặn gà kêu,
Mười bốn trăng lặn gà đều gáy tan.*

*

*Đêm khuya thức dậy xem trời,
Thấy sao bên Bắc đổi dời qua Nam.*

*

*Sao Hôm chờ đợi sao Mai,
Trách lòng sao Vượt thương ai bằng chùng.*

và thời-tiết :

*Chuồn-chuồn bay thấp trời mưa,
Bay cao trời nắng đập dùa em ăn.*

*

Đất nào có thổ-sản nấy, cho nên có câu :

*Gió đưa gió đẩy về rẫy ăn còng,
Về bưng ăn cá, về đồng ăn cua.*

Đồng-bào ta bao giờ cũng thường vui sống, như chỉ mong đến Tết để được thỏa-thích ăn chơi :

*Cu kêu ba tiếng cu kêu,
Cho mau tới Tết dựng nêu ăn chè.*

Cũng lại có một tin-tưởng lạ đời về đất Nam-Vang :

*Nam-Vang đi dễ khó về,
Trai đi có vợ, gái về có con !*

* * *

b) Ca-dao với thương-mãi :

Hân độc-giả còn nhớ, sử chép rằng năm 1679, bọn người Tàu là Dương-ngạn-Địch, Huỳnh-Tấn với ba ngàn tướng-sĩ Long-Môn, vì không chịu làm tôi nhà Mãn-Thanh, nên rời Trung-quốc đem chiến-thuyền sang thần-phục nước ta.

Chúa Nguyễn Hiền-Vương cho họ vào ở đất Đông-Phổ (Gia-dịnh) mà khai-thác ruộng-nương, lập làng xã, buôn-bán ở Biên-Hòa và Định-Tường.

Người Tàu vốn có tài thương-mãi, đã thế, đồng-bào miền Nam lại sẵn đồng ruộng phì-nhiều, ăn no mặc ấm, thì còn tranh-thương với họ làm chi !

Vì vậy, chúng ta chỉ gặp lơ-thơ vài ba câu ca-dao nói về thương-mãi, mà người hoan-nghinh thương-mãi lại là phần ít :

*Dạo nào bằng dạo đi buôn,
Xuống biển lên nguồn, gạo chợ nước sông.*

Còn phần đông thì đối với thương-mãi rất lạnh-dạm thờ-ơ :

*Bìm-bịp kêu nước lớn anh ơi,
Buôn-bán không lời, chèo-chống mới mê.*

*Anh đi ghe cá mòi son,
Đề em đương dệt cho mồn mống tay.*

Đàn ông không thích nghề thương-mãi, chỉ đề cho phụ-nữ buôn-bán nhỏ-nhỏ mà thôi :

*Chợ Dinh bán áo con trai,
Chợ trong bán chỉ, chợ ngoài bán kim.*

* * *

c) **Ca-dao xem tướng :**

Dân ta lại có tục xem tướng đoán người. Tuy là chuyên nghề ruợng-rẫy, tay lấm chơn bùn, song dân ta cũng lo nghĩ đến tương-lai, nên cố xem tướng.

Dựa vào kinh-nghiệm, ca-dao tin rằng những người sau đây là vô-duyên :

*Vô duyên chưa nói đã cười,
Chưa đi đã chạy, là người vô duyên.*

Ca-dao lại khuyên một điểm son cho đàn ông rộng miệng :

*Đàn ông rộng miệng thì sang,
trái lại :
Đàn bà rộng miệng, tan-hoang cửa nhà.*

Tả người đàn bà hiền-đức thì :

*Những người thắt đáy lưng ong,
Vừa khéo chiều chồng, vừa khéo nuôi con.*

Những người « lỗ mũi hênh lên » thì sao ?

Thì : *Cửa xe chắt lại một bên cũng nghèo.*

Chắc ta cũng có đề ý đến những người :

*Nhân-trung sâu tựa như đào,
Danh vang trên thế, anh-hào ai đương.*

và những kẻ :

*Đầu mây mà lại đứng ra,
thì : Có gan có ruột, gian-tà vốn không.*

Ca-dao nói như vậy, chẳng biết có đúng hay không, xin nhường lời phê-phán cho các vị « ma-y thần-tướng? ».

V

NGOÀI XÃ-HỘI

a) Luận anh-hùng :

Trong mục này, chúng tôi xin trình-bày những câu ca-dao có liên-quan đến đời sống xã-hội.

Nước ta có một dĩ-vãng vẻ-vang với những trang sử oai-hùng, dân ta từ ngàn xưa đã hăng-hái đấu-tranh để bảo-vệ non sông đất nước.

Vậy những câu ca-dao ca-ngợi chí-khí anh-hùng, tiết-tháo người quân-tử chẳng phải là ít :

*Ở đời muôn sự của chung,
Hơn nhau một tiếng anh-hùng mà thôi.*

hoặc :

*Đem chuông đi đánh xứ người,
Chẳng kêu cũng đánh một hồi cho kêu.*

hay là :

*Nên ra tay kiếm tay cờ,
Chẳng nên thì chớ chẳng nhờ tay ai.
Làm trai cho đáng nên trai,
Xuống đông, đông tĩnh, lên đông, đông yên.*

Những bậc tu-mi như thế này mới đáng kính đáng phục cho :

*...Nước là mà vờ nên hồ, ...
Tay không mà nổi cơ-đỡ mới ngoan,*

*Tướng là đá nát thì thôi,
Hay dầu đá nát nung với lại nong.*

Danh thơm của anh-hùng quân-tử tỏa ra khắp bốn phương trời :

*Bông thơm đất trước mái hiên,
Gió nam thổi lọt cửa huyền cũng thơm.*

Dầu có thất-vận đi nữa, người chí-sĩ vẫn giữ được phong-độ hiên-ngang, không chịu vào luồn ra cúi cho vinh-thân phì-gia :

*Chim quỳên xuống đất ăn trùn,
Anh-hùng lơ vận lên rừng đốt than.*

Còn đây là thái-độ cao-cả của kẻ trượng-phu :

*Đấng trượng-phu đừng thù mới đáng,
Đấng anh-hùng đừng oán mới hay.*

* * *

b) Đoàn-kết :

Tuy-nhiên, một dân-tộc có chí-khí cũng khó mà thành-công, nếu không biết đoàn-kết, vì đoàn-kết thì sống mà chia rẽ là chết :

*Non cao ai đắp mà cao,
Sông sâu ai bắc ai đào mà sâu.*

Đó là công-trình của cả một thế-hệ.

Mọi người trong xứ đối với nhau đều có quan-hệ mật-thiết :

*Sấm bên đông, động bên tây.
Tuy rằng nói đó nhưng đây động lòng.*

†

Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng.

*

Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

*

Muốn cho có đó có đây,
Sơn-lâm chưa dễ một cây nên rừng.

*

Ở cho phải phải phân phân,
Cây đa cây thân, thân cây cây đa.

* * *

c) Thề-sự :

Trọng phú khinh bần :

Về thề-sự, ca-dao ta có nhiều câu giản-dị nhưng nhuốm màu triết-lý.

Nếu sách Nho có câu: « Sàng đầu kim tận, trảng-sĩ vô nhan », thì ca-dao cũng mỉa-mai kẻ giàu mà thô-lỗ và những ai khuất-phục trước đồng tiền :

Vai mang túi bạc kê-kê,
Nói vầy nói vớ chúng nghe rầm-rầm.

« Vạn sự chỉ ư tiền », người xưa nói như thế. Tiền chi-phối tất cả, có tiền xấu cũng ra tốt, không tiền, hiền cũng hóa ngu ; bà con xa nhau, xa lạ thân nhau cũng vì tiền !

Nếu cụ Tiên-Điền có câu :

« Một ngày lạ thói sai-nhà,
Làm cho khốc-hại chẳng qua vì tiền ! »

Thì dân ta cũng thốt ra những lời ta-thán :

*Mồ cha cái áo rách này,
Mất chúng mất bạn vì mấy áo ơi !*

*Giàu sang nhiều kẻ tới nhà,
Khó khăn nên nổi ruột già xa nhau.*

Nào có khác gì câu chữ Nho :

*« Bần cư trung thị vô nhân văn,
Phú tại sơn lâm hữu khách tằm ».*

mà chúng tôi xin tạm-dịch :

*Nghèo ngồi giữa chợ, không ai hỏi,
Giàu ở non xanh, có kẻ tìm.*

Thậm chí việc cúng giỗ là bần-phận của cháu con đối với người quá-cổ mà cũng có thể chịu ảnh-hưởng kim-tiền :

*Cờng-cộc bắt cá dưới sông,
Mấy đời cháu ngoại giỗ ông bao giờ.*

*Cờng-cộc bắt cá dưới bầu,
Ông ngoại nó giàu nó giỗ heo quay.*

Sách Nho có câu :

*Phú quý đa nhơn hội,
Bần cùng thân-thích ly.*

Dân ta sửa lại thành một câu hát, nghe ra như oán phur sâu :

*Phú quý đa nhơn hội,
Bần cùng bà nội cũng xa.*

Anh em ruột đối với nhau, ai cũng giữ-gìn tu-lợi ;

*Giàu cha giàu mẹ thì ham,
Giàu anh giàu chị ai làm nấy ăn.*

Cho đến nỗi trong tình-nghĩa vợ chồng cũng có tiền bạc xen vào :

*Còn tiền còn bạc, còn vợ còn chồng,
Hết tiền hết bạc, tơ hồng hết xe.*

* * *

Lòng người bạc đen :

Người ta thường nói :

*Nhơn tâm lạnh noãn,
Thế sự dề cao.*

(Lòng người ấm lạnh, sự thế thấp cao).

Dân ta không quên nghiệm xét tâm-lý ấy nên đã có câu :

*Khi vui thì vỗ tay vào,
Đến khi hoạn-nạn thì nào thấy ai.*

Cũng như câu :

*Trường đồ tri mã lực,
Sự cứu kiến nhơn tâm.*

mà ca-dao ta có câu tương-tợ :

*Thức đêm mới biết đêm dài,
Sự lâu mới biết lòng người bạc đen.*

Nhưng mà, khó thay :

*Ở sao cho vừa lòng người,
Ở rộng người cười, ở hẹp người chê.*

Lòng người thường hay thiên-lệch, cho nên :

Yêu nhau yêu cả đường đi,

Ghét nhau ghét cả tông-chi họ hàng.

và : *Thương nhau cau sáu bữa ba,*
Ghét nhau cau sáu bữa ra làm mười,

Đối với thái-độ nhỏ-nhen như thế, ca-dao nghiêm-khắc bảo rằng :

Thương người khác thề thương thân,

Ghét người khác thề vun phân cho người.

Mẹ ghê đối với con chồng thường hay cay-nghiệt nên ca-dao ta phê-bình có lúc rất gắt-gao :

Mẹ gà con vịt chắt-chiu,

Mấy đời mẹ ghê nâng-niu con chồng.

Mấy đời bánh đúc có xương,

Mấy đời di ghê mà thương con chồng.

Sự hẹp lượng, tánh ích-kỷ của ít nhiều mẹ ghê làm cho, về phần tình-cảm, mấy bà còn thua cả gà mẹ săn-sóc đàn vịt con, mặc dầu khác loại !

Người đời hay bạc-bèo, nên ta có lời nhận-xét :

Trách ai dặng cá quên nơm,

Đặng chim bẻ ná quên ơn vôi thù !

Tiểu công xúc tép nuôi cò,

Cò ăn cho lớn cò dò lên cây.

Đây là cảnh bằng-hữu phụ nhau :

Giò đưa cây cải về Trời,

Rau răm ở lại chịu lời đắng cay.

Cũng bởi thế-nhân thường khinh bần trọng phú,
giả-dối tình-ma, nên dân quê ta, tuy là chất-phác, nhưng
cũng rất thận-trọng trong việc xã-giao :

*Nói đây-đưa cho vừa lòng bạn,
Sông-giang-hà chỗ cạn chỗ sâu.*

*Đố ai lặn xuống vực sâu,
Mà đo miệng cá uốn câu cho vừa,*

*Dò sông dò biển dễ dò,
Nào ai bẻ thước mà đo lòng người.*

và cũng chọn bạn mà kết-giao :

*Chữ rằng họa-phước vô môn,
Tìm giàu thì dễ tìm khôn khó tìm.*

Là vì :

*Rồng vàng tắm nước ao tù,
Người khôn ở với người ngu bực mình.*

Nguyên-nhân :

Muôn sự ở đời đều có nguyên-nhân :
không có nhân sao có quả ? Không có lửa sao có khói ?

Trên chúng tôi có nhắc câu :

*Trống treo ai dám đánh thùng,
Bậu không ai dám dờ mừng chun vô !*

Chúng tôi xin thêm :

*Chó dâu chó sủa lẹ không,
Không thẳng ăn trộm, cũng ông ăn mày.*

và : *Lập nghiêm ai dám đến gần,
Bởi quan sàm-sở nên dân nổi giận.*

*Người trên ở chẳng kỳ-cương,
Khiến cho kẻ dưới làm đường mây-mưa.*

đ) Ảnh-hưởng Nho-Thích :

Trong chương «Hiếu Hạnh», chúng tôi đã kể câu ca-đao :

*Thứ nhất là tu tại gia,
Thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa.*

Chương phước-diên :

Và cũng vì ảnh-hưởng của Khổng-giáo mà dân ta đánh giá sự làm phước, bố-thí cho người, còn hơn là việc vào chùa gõ mõ tụng kinh :

*Dẫu xây chín cấp phù-dờ,
Không bằng làm phước cứu cho một người.*

Nhân-dân cũng biết trọng thân-danh, nhân-vị, cho nên có câu :

*Người ta ba thứ người ta,
Người thì tiền rưởi, người ba mươi đồng.*

lại sợ tiếng đời khen chê :

*Trăm năm bia đá thì mòn,
Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ-trơ.*

Luật vô-thường :

Tuy-nhiên, tinh-thần Phật-giáo cũng thấm-nhuần tất cả các tầng lớp dân-chúng, nên dân ta xem vạn-vật là vô thường, không nên lưu-luyến :

*Trong đời gì đẹp bằng sen,
Quan yêu dân chuộng rã bèn cũng hư.*

*Người đời khác thế phù-du,
Sớm còn tối mất công-phu lở-làng.*

Thuyết nhơn-quả :

Tin ở thuyết nhơn-quả, ta nhận-xét rằng :

*Ông cha kiếp trước khéo tu,
Nên sanh con cháu vững dù nghinh-ngang.*

*Đời xưa trả báo làm chầy,
Đời nay trả báo một giây nhơn tiền.*

An-phận tùy duyên :

Lại cũng vì tiêm-nhiệm Khổng-giáo và Phật-giáo mà dân ta an-phận, đối với bả vinh-hoa mỗi phú-quí không mấy quan-tâm, không bòn tro đãi trấu để làm giàu, không toan-tính mưu thần chước quỷ để góp nhặt, mọi việc đều trông cậy ở Trời :

*Cây khô tưới nước cũng khô,
Vận nghèo di đến xứ mô cũng nghèo.*

Có người lại hoàn-toàn phú cho định-mạng :

*Số giàu tay trắng cũng giàu,
Số nghèo chín dụn mười trâu cũng nghèo.*

Trái lại, một phần lớn dân ta, vừa tin-tưởng nơi vận-mạng, vừa chăm lo công việc làm ăn :

*Đại phú do thiên, tiểu phú do cần,
Giàu nhờ hays măn, giàu lớn trời cho.*

Mấy cụ đồ thường bảo :

« Tấn vi quan, thối vi sư »

và : *« Công thành thân thối, thiên chi đạo ».*

là vì : *« Phú quý tự môn tiền tuyết »*

còn : *« Công-danh như thảo thượng sương ».*

mà hễ nắng lên thì tuyết cũng tiêu, sương cũng tan.

Pháp-văn có câu tục-ngữ : « La roche Tarpéienne est près du Capitole » (Hòn Tarpéienne kề cận Capitole). Capitole là đền thờ thần Jupiter, trên núi Capitulin ở 'Cổ La-Mã. Gần đó có hòn Tarpéienne. Những tướng quân thắng trận thì được lên đền Capitole, còn những kẻ phản-quốc thì bị từ trên hòn Tarpéienne mà xô xuống.

Thật là họa-phúc và vinh-nhục ở gần bên nhau. Cho nên ca-dao ta có câu, nghĩa cũng tương-tợ :

Càng cao thì gió càng lay,

Càng cao danh-vọng, càng đầy gian-nan.

và : *Nào khi lên vớng xuống dù,*

Kêu dân, dân dạ, bây giờ dạ dân.

* * *

e) Châm-biểu, hài-hước :

Tuy là tiếm-nhiệm tinh-thần Nho-Thích và an-phận tùy-duyên, song trong việc tiếp-xúc với đời, bầm-lĩnh vui-vẻ, trọng sự thật của dân ta hay lộ ra trong những câu ca-dao châm-biểu và hài-hước.

Anh-hùng rơm :

Đối với những người đánh phách, hay chũm anh-hùng, một rằng ta đây, hai rằng ta đây, dân quê ta nhẵn-nhủ ;

*Anh-hùng gì, anh-hùng rơm,
Ta cho mớ lửa, hết chưng anh-hùng.*

và « có tài có mỏ thì gõ với người ta » :

*Khôn ngoan đá-đáp gà ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.*

Hay gì những kẻ xưng hùng xưng bá sau lũy tre xanh
mà bề-hiệp dân lành ! Dân ta hăm-he một câu đích-đáng :

*Gà cồ ăn quần cối xay,
Râu rậm muỗi ớt, xé phay gà cồ !*

Xét mình, xét người :

Với người hay phê-bình, chỉ-trích, trách bị cầu toàn
thì ta có câu :

*Chơn mình còn lấm mê-mê,
Lại cầm bó đuốc mà rê chơn người.*

Còn những kẻ hay khoe-khoang là xuất-chúng, thì
dân ta hỏi mắc :

*Đèn khen đèn tỏ hơn trăng,
Đèn ra trước gió dước chẳng, hơi đèn ?
Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn,
Cớ sao trăng phải chịu luồn đám mây ?
Ờ đời khiêm-nhượng là quý, phách-lời làm gì ?*

Cùng một ý-nghĩa ấy, những cô gái khoe mình
chính-chuyên, song vô cớ mà « chữ liễu 𠂔 » nay đã nẩy
nét ngang 𠂔 » (chữ tử), thì người ta không khỏi lấy
làm lạ :

*Chuối cây mình là chuối đồng-trinh,
Chuối ở một mình sao chuối có con ?*

Những ai khoe giàu hãy nghe đây :

*Khoan-khoan quần tía xuống màu,
Đầy lưng mua chịu khoe giàu với ai.*

Ca-dao tá cũng không tha những

Người tham công tiếc việc :

*Cơm ăn không hết thì treo,
Việc làm không hết thì kêu lảng-giêng.*

Chồng già vợ trẻ :

*Tiếc thay con gái mười ba,
Liều thân mà lấy ông già sao đang !*

*Áo dài chẳng nệ quần thưa,
Bảy mươi có của cũng vừa mười lăm.*

Vợ già chồng trẻ :

*Chồng già vợ trẻ là duyên,
Vợ già chồng trẻ là tiền là xu.*

Chồng đại vợ khôn :

*Tiếc thay cây quế giữa rừng,
Đề cho thằng Mán thằng Mường nó leo.*

*Tiếc đứa con gái khôn lấy thằng chồng đại,
Cũng như bông hoa lại cắm bãi cứt trâu.*

Những người vô-ích :

Trong những đình-dám, giỗ chạp, có những anh
những chị hà-rúa, lẩn-xẩn, mà không giúp ích gì cho ai :

*Có mợ thì chợ cũng đông,
Không mợ thì chợ cũng không không bữa nào !*

Nỗi oan :

Tả nỗi oan của người vô-can, nhân-dân ta hát :

*Con mèo đập bẻ nồi rang,
Con chó chạy lại phải mang lấy đòn.*

Vụng-về :

Tặng con gái vụng-về bếp-núc, ta có câu :

*Khen ai khéo nấu nồi chè này,
Đã ngon lại ngọt, có mùi khê-khê (khét).*

Vô-phước :

Còn ai lâm vào tình-cảnh của anh nông-phu sau đây chắc là bực lắm :

*Thứ nhất vợ đại trong nhà,
Thứ nhì trâu chậm, thứ ba rựa cùn.*

Độc-ác :

Những người hung-dữ hãy xem câu này mà suy-gẫm :

*Trời sanh hùm chẳng có vây,
Cho hùm có cánh hùm bay lên trời.*

Với một câu nôm-na, dân ta vạch hết cái nhâm-nhiêm, giả-dối, của những người mặt miệng gươm lòng :

*Ngoài miệng thì tụng nam-mô,
Trong bụng lại chứa một bồ dao găm !*

Câu này có thể sánh, về ý-nghĩa, với một bài tiểu-thi sau đây của Voltaire tiên-sinh :

*L'autre jour, au fond d'un vallon,
Un serpent pique Jean Fréron ;
Savez-vous ce qu'il arriva ?
Ce fut le serpent qui creva.*

Chúng tôi xin tạm dịch :

*Ngày kia, trong trũng, hồ-mang
Vô duyên cần phải anh chàng Phê-Rông,
Quý bạn đọc biết sao không ?
Hồ-mang ta lại âm-cung mờ về !*

Thật máu thịt của anh Phê-Rông nào đó còn độc hơn nọc độc của chú hồ-mang !

Cho hay, Đông Tây đã vô-tình gặp nhau trong câu văn châm-biếm.

*

Mật ít ruồi nhiều :

Khi thấy chỉ có một cô thôn-nữ mà bao nhiêu anh nông-phu thả lá đề thơ, thì dân ta mỉm cười :

*Gắm trong thế-sự nực cười,
Một con cá lội, bao người buông câu.*

Người đẹp :

Sau đây, ta hãy nghe đứa nhỏ khoe cha nó đẹp :

*Con cò nó mỡ con lươn,
Bớ chị ghe lườn muốn tía tới không ?
Tía tới lịch-sự quá chừng,
Cái lưng tấm thớt, cái đầu chôm-bôm.*

Cuộc lận sòng :

Và đây là một cuộc lận sòng :

*Chị kia bứt tóc cánh tiên,
Chờng chị di cưỡi một thiên cá mèi ,
Không tin dờ hộp ra coi,
Rau răm ở dưới, cá mèi ở trên !*

Hỏi khố :

Sau cùng, chúng tôi xin cống-hiến độc-giả vài câu đố khó trả lời :

*Trăng bao nhiêu tuổi trắng già ?
Núi bao nhiêu tuổi, gọi là núi non ?*

*Đố anh con rết mấy chun ?
Tàu ô mấy nhịp, chợ Dinh mấy người ?*

*Đố ai biết lúa mấy cây ?
Biết sông mấy khúc, biết mây mấy từng ?*

*Đố ai quét sạch lá rừng,
Đề ta khuyên gió, gió đừng rung cây.*

*Đố ai biết biên bao sâu ?
Biết sông mấy khúc, biết cầu mấy nơi ?*

*Chim bay mỗi cánh chim nơi,
Đố ai bắt đặng chim trời mới ngoan.*

*Con mèo không rạch sao kêu mèo vó ?
Con cá không thờ sao gọi cá linh ?*

*Thấy anh hay chữ em hỏi thử một lời :
Thuở tạo thiên lập địa ông Trời ai sanh ?*

Thật là những câu đố oái-oăm thay !

NHỮNG CÂU HÁT VẬT

a) Ca-đạo xuất xứ nơi tác-phẩm :

Như chúng ta đã biết, truyện Kiều của Nguyễn-Du được đồng-bào Trung Bắc hoan-nghinh bao nhiêu thì thơ Lục-vân-Tiên của Nguyễn-dinh-Chiều trong Nam-Việt cũng được công-chúng thích đọc bấy nhiêu, đọc đến thuộc lòng, và rút trong thơ ấy nhiều câu để làm ca-đạo truyền-tụng :

*Có thân thì khổ với thân,
Than ôi, thân biết mấy lần gian-nan.*

*Nên hư có số ở Trời,
Bôn-chôn sao khỏi, đời đời sao xong.*

Những câu này được màu triết-lý Thích Nho ; còn mấy câu sau đây tỏ thái-độ của một thiếu-nữ, như Võ-phi-Loan, vị hôn-thê của Vân-Tiên, khinh-bạc chàng thanh-niên vận-bĩ không xứng đáng kết duyên cầm-sắt với mình :

*Ai cho sen xuống một bồn,
Ai cho cam quýt sánh cùng lựu lê.*

*Gối rơm theo phận gối rơm,
Có dâu dưới thấp mà chồm lên cao.*

b) Nhân-du :

Chẳng phải dân ta, quanh năm cuối tháng, chỉ quanh-quần trong miền rẫy bãi đồng quê, mà cũng có người thích :

*Đi cho biết đó biết đây,
vì lẽ : Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn.*

Mênh-mông bốn biển năm hồ, thỏa-thích nam-nhi vùng-vẫy :

*Rộng đồng mặc sức chim bay,
Biền Hồ lai-láng mặc tình cá đua.*

Lại sánh mình với chim bằng bay vạn dặm, một khi gió lớn nổi lên :

*Kinh nghề vui thú kinh nghề,
Tép tôm thì lại vui bề tép tôm.*

Tánh-tình phóng-khoáng, khách chẳng luận sang-hèn, miền tang-bồng phi-chí thì thôi :

*Dạo chơi quán cũng như nhà,
Lều tranh có nghĩa hơn tòa ngói tô.*

Người thường nói : « Làm thần đất ta, làm ma đất người » cho nên đi xứ xa thì phải nhần-nhịn :

*Tới đây lạ cảnh lạ người,
Trăm bề nhần-nhịn đừng cười tôi quê.*

*Tới đây xứ-sở lạ-lùng,
Chim kêu cũng sợ, cá vùng cũng kinh.*

Và sau khi châu-du khắp xứ, khách không quên đấng tổ quê cha :

*Ta về ta tắm ao ta,
Đầu trong đầu dục ao nhà cũng hơn.*

* * *

c) **Câu hát trẻ em :**

Đoạn ba này chúng tôi dành cho ca-dao của trẻ em, mặc dầu là ngây-thơ, không văn-hoa bóng-bẩy, song hàm-chứa rất nhiều tình-cảm, ý-vị mỉa-mai và đôi khi cũng có phần triết-lý :

Độc-giả xem đây :

*Ro-re nước chảy dưới dèo,
Bà già lật-dật mua heo cưới chồng ;
Cưới về chồng bỏ chồng đông,
Bà già mới tiếc ba mươi đồng mua heo.*

*

*Con mèo, con mèo, con meo,
Ai dạy mầy trèo, mầy chẳng dạy tao ?*

*

*Con quạ nó đứng đầu cầu,
Nó kêu bố má lấy trầu khách ăn.*

*

*Vì đầu cá bống hai hang,
Cá trê hai ngạnh, tôm càng hai râu.*

*

*Rủ nhau xuống biển bắt cua,
Bắt cua cua kẹp, bắt rùa rùa bơi.*

*

*Vì đầu tình bậu muốn thôi,
Bậu gieo tiếng dờ cho rồi bậu ra.*

*

Bậu ra bậu lấy ông câu,
Bậu ăn cá bống chặt đầu kho tiêu.

Kho tiêu kho ớt kho hành,
Bổ ba lượng thịt để dành em ăn.

Má ơi, con vịt chết chìm,
Thò tay (tôi) vớt nó, cá kìm cắn tôi.

Em tôi khát sữa bú tay,
Ai cho bú thép ngày rày mang ơn.

Ai đem con sáo qua sông,
Cho nên con sáo xô lồng bay xa.

Bồng em đi dạo vườn cà,
Cà non chấm mắm cà già làm dưa.
Làm dưa ba bữa chưa chua,
Chị kia xách đĩa lại mua ba tiền.

Bồng em đi dạo vườn dưa,
Dưa đã có trái, chị chưa có chồng.

Chị Xuân đi chợ mùa hè,
Mua cá thu về, chợ hầy còn đông.

Chị Hươu đi chợ Đồng-Nai,
Bước qua Bến-Nghé, ngồi nhai thịt bò.

Ví dẫu ví dẫu ví dẫu,
 Ăn trộm bẻ bầu, ăn cướp hái dưa.

Bắc cầu cho kiến leo qua,
 Cho dẫu ông xã qua nhà tôi chơi.

Chiều chiều vịt lội cò bay,
 Ông voi bẻ mía chạy ngay vô rừng.
 Vô rừng bứt một sợi mây,
 Dem về thắt gióng cho mây đi buồn.

Đi buồn thiếu vốn anh dùm,
 Ở nhà chi đó chú trùm chú ve.

Con quạ nó đứng chuồng heo,
 Nó kêu bớ má bánh bèo chín chưa ?

Em tôi buồn ngủ buồn nghề,
 Con tằm đã chín, con dế đã muôi.

Câu hát này có người cho là sai và sửa lại như vậy:

Em tôi nằm ngủ chưa mê,
 Con này chưa nín, con tê dậy ngồi.

Chị kia bới tóc đuôi gà,
 Nằm đuôi chị lại hỏi nhà chị dẫu.
 Nhà tôi ở dưới đám dẫu,
 Ở bên đám đậu dẫu cầu ngó qua.

Ngó qua Chợ-Lớn làm chạy,
 Thỉnh ông Liêu-Điện, thỉnh bà Quan-Âm.

Mấy em đồng-quê tỏ cảm-linh với anh nông-phu vì nghèo mà chưa dám lo bề gia-thất :

*Than rằng nhà đột cột xiêu,
Muốn đi cưới vợ, sợ nhiều miệng ăn.*

Mấy em lại trố-trêu, đánh trống qua cửa sổ :

*Ai về nhắn với ông câu,
Cá ăn thì giết, để lâu hết mỡ.*

Nhưng có lẽ câu hát ấy có một ý-nghĩa sâu-xa khác chứ chẳng không.

Mấy em cũng biết thương loài vật, phủ-nhận một thí-sĩ kia có thành-kiến rằng : « Tuổi ấu-thơ không biết xót thương » :

*Chiều chiều bắt kết nhờ lông,
Két kêu bơ chị, chị đừng bắt nhân.*

Các em lại có quan-niệm về thần-quyền :

*Bắt con ô-thước đội cầu,
Cho bà Thánh-Mẫu về châu Thượng-Thiên.*

Câu sau đây tả cảnh Sài-gòn mấy mươi năm về trước :

*Mười giờ tàu lại Bến-Thành,
Xúp-lê vội thôi, bộ-hành lao-xao.*

Đối với chú cá, mấy em có lời phê-bình ngộ thay :

*Cá không ăn câu thật là con cá dại,
Vác cần câu về nghĩ lại con cá khôn.*

Sau cùng, đây là lời than của đứa trẻ mồ-côi cha mà mẹ lại toan bước thêm bước nữa :

*Trời mưa bong-bóng bập-bồng,
Mẹ đi lấy chồng, con ở với ai ?*

Người mẹ nào nghe con hát câu ấy mà đành-đoạn
bỏ con đi lấy chồng !

* *

d) Thai-đố :

Đề chấm-dứt thiên khảo-cứu này, chúng tôi hận-hạnh
cống-hiến độc-giả một số câu ca-dao mà, khi cấy lúa dưới
ruộng, lúc gặt gạo trong sân, nông-phu nam-nữ thường
dùng đề đố nhau, những câu bao-hàm ý-tứ ngổ-nghĩnh
và răn đời :

*Ba đồng một chục đàn ông,
Ta bỏ vào lồng ta xách ta chơi.*

Thật là đàn ông ta rẻ quá !

Xuất vật-dụng

Cái rò-rẻ

*

*Trời mưa vắn-vũ, bạn cũ xa rồi,
Biết ai nương-dựa lần hồi tấm thân !*

Tình-cảnh của người như thế thật là thê-thảm đáng
thương !

Vật-dụng gì ?

Ầy là than (than củi)

*

*Chúng chị là gái chung vàng,
Đứng trên đỉnh núi thì ngang với Trời.*

Các cô này lời quá, dám khoe mình cao như Trời,

Vậy thai đồ vật gì ?

Cái phách (hồn phách)
hay **cặp phách** (một nhạc-khí)

Tới đây ăn gỏi nằm nhờ,
Ơn ông chưa trả lại rờ con ông.
Rõ là con người vô-hạnh, phân-phúc.

Xuất vật-dụng
Cái phăng

Đầu rồng đuôi phụng le-the,
Mùa Xuân ấp trứng, mùa Hè nở con.

Xuất mộc
Buồng cau

Em thì đi cấy ruộng bông,
Anh đi cắt lúa góp công một nhà.
Đem về phụng-dưỡng mẹ cha,
Muôn đời tiếng hiếu người ta còn truyền.

Thật anh em nhà ấy nêu một cái gương cần-lao và
hiếu-thảo tỏ rạng cho đời soi chung.

Như vậy, thai xuất vật gì đây ?

Cái gương soi

Bao nhiêu lá rụng quét đồn,
Bao nhiêu nợ bạn hãy gõm trả cho.
Bằng-hữu như thế mới là hảo-tâm cho, thay thế bạn
mà trả hết nợ-nần.

Vật-dụng gì ?
Cái bao hay cái hõ-bao

QUA MẤY VẦN CA-ĐÀO

Cha già đã tám mươi tư,
Ngày ngày gồng-gánh còn dư sức bừa.
Ông già này thật quắc-thước, mạnh-mẽ ai bằng.

Một nhân-vật có danh

Thầy Mạnh

*

Non cao ai đắp mà cao ?
Sông sâu ai bới ai đào mà sâu ?

*

Đi đâu mà chẳng thấy về ?
Hay là quần tía dựa kẻ áo nâu ?
Trong hai câu đều có lời hỏi.

Bánh gì ?

Bánh hỏi

*

Bấy lâu phong-kín nhụy-đào,
Bây giờ khác thề hàng rào lâu năm !
Cái hàng rào lâu năm đã hư mọt rồi còn chi !

Xuất vật

Cái quả hư

*

Em đồn, anh quá si-mê,
Em già, anh lại nhún trề, bởi đâu ?

Con cá gì ?

Cá chấu

*

Ta đâu há dễ chịu nghèo,
Hóa-công dầu định, mấy đèo cũng băng.

Thật là một gương cương-quyết, chống lại với định-mạng.

Một loài rau
Rau cải trời

*Con đeo con theo con bông,
A, B chưa biết, xin (với) chồng học chơi.*

Trái gì ?
Trái me dốt (me là mẹ)

*Không hương nhưng lại dỏ lòng,
Mỗi đêm hé mở, bướm ong khó gần.*

Loại hoa này kỳ lạ, bướm ong lại gần chỉ thiêu thân
chớ không được thưởng-thức đâu ?

Hoa gì ?
Hoa đèn

*Ngoại-khoa cứu-cấp dân-đoàn,
Sao tra tiếng dờ cho chàng vậ vầy !*

Xuất điều
Con gà ác

Gà ác nấu cháo lá dâu ăn bổ và trị được bệnh ban,
thế mà ta va cho anh chàng cái tên « ác » nghĩ có oan
không ?

*Nửa trắng phân rẽ đầu chồng,
Một bầy con trẻ ẩm bông trên tay.*
Câu này tả hình-trạng cái quạt giấy rất rõ-ràng.

Còn chán-vạn câu ca-dao dùng làm thai-đổ nữa, soạn-giả không tiện chép hết ra đây, sợ e độc-giả xem nhiều sanh chán.

KẾT-LUẬN :

Trên đây, chúng tôi chỉ lược-khảo một số câu ca-dao, tất không khỏi có nhiều thiếu-sót.

Tuy-nhiên, như độc-giả đã thấy, ca-dao ở Nam-Việt vô cùng phong-phú dồi-dào, phổ-cập đến tất cả vấn-đề trong xã-hội, lại tả cảnh tả tình một cách khéo-léo chân-thành, hợp thành một kho-tàng văn-chương bình-dân vô-giá.

Không những đó là một kho ngôn-ngữ do toàn dân cấu-tạo dần dần qua các thời-dại, một nguồn cảm-hứng vô song của các tâm-hồn nghệ-sĩ, một tấm gương trong sáng phản-ảnh cả phong-tục của giống-nòi, mà còn là những tài-liệu sống đề hiều biết những nỗi vui, buồn, mừng, giận, những nguyện-vọng bông-bột hay thăm kín của đồng-bào.

Đó là tiếng gọi của dân quê, linh-hồn của dân-tộc, không có thứ văn-chương nào hơn được.

Bởi thế cho nên, nhiều nhà văn đã không ngần-ngại gọi ca-dao ta là « Kinh-Thi Việt-Nam » và khuyến-khích người san-dịnh.

Vui sống độc-lập tự-do trên đây non sông gấm vóc, chẳng những chúng ta nên kính-cần, âu-yếm, bảo-tồn kho tàng ca-dao, mà còn phải hưởng-ứng lời kêu gọi của các văn-gia thi-sĩ nói trên mà gắng công góp sức, sưu-tập quyển « Kinh-Thi Việt-Nam » gồm đầy-đủ ca-dao Nam Trung Bắc, với nơi xuất-xứ và ý-nghĩa của mỗi câu.

Trong lúc nước Cộng-Hòa Việt-Nam chấn-hưng đủ mọi ngành, lẽ nào chúng ta lãnh-đạm, thờ-ơ, mà không tùy sức tùy tài, tham-gia công việc chấn-hưng kiến-thiết, chẳng hạn như góp công xây-dựng nền văn-hóa nước nhà, vì, chẳng những đó là phận-sự của chúng ta, mà như thế, ta cũng được tỏ chút lòng yêu-mến quê-hương và nêu cao tinh-thần dân-tộc.

HẾT

Sài Gòn, ngày rằm tháng tám năm Mậu-Tuất.

27/9/1958

Sơ-nghị giữ bản-quyền

CÙNG MỘT TÁC-GIẢ

ĐÃ XUẤT-BẢN :

- DANH-NHÂN NƯỚC NHÀ (Hết)
- TỰ-ĐIỀN DẤU HỒI DẤU NGÃ (Hết)
- DANH-TỪ KINH-TẾ VÀ TÀI-CHÁNH (Hết)
- BA NHÀ CHÍ-SĨ HỌ PHAN (Hết)
- VIỆT-NAM CỘNG-HÒA.— TỔ-CHỨC HÀNH-CHÁNH, TƯ-PHÁP VÀ TÀI-CHÁNH (Hết)

SẴP TÁI-BẢN :

- DANH-TỪ KINH-TẾ VÀ TÀI-CHÁNH
- BA NHÀ CHÍ-SĨ HỌ PHAN

SẴP XUẤT-BẢN :

- ANH-HÙNG KHÁNG CHIẾN MIỀN NAM
- LỊCH-SỬ HÀNH-CHÁNH NAM-PHẦN VIỆT-NAM

MỤC-LỤC

	Trang
Phong-tục miền Nam qua mấy văn ca-dao	5
Nhận-xét chung về ca-dao	7
I. — Ca-dao tả cảnh	13
II. — Tu-thân	16
— Cẩn-lao	16
— Khuyến-học	17
— Nhấn-nại	21
— Giao-thiệp	22
III. — Tình gia-tộc	24
— Hiếu-hạnh	24
— Dạy con	28
— Tình yêu	31
— Tình chồng vợ	42
IV. — Phong-tục thôn-quê	50
— Phong-tục tổng-quát	56
— Ca-dao với thương-mãi	58
— Ca-dao xem tướng	59
V. — Ngoài xã-hội	60
— Luận anh-hùng	60
— Đoàn-kết	61
— Thế sự	62
— Ảnh-hưởng Nho-Thích	67
— Châm biếm, hài hước	69
VI. — Những câu hát vặt	75
— Ca-dao xuất-xứ nơi tác phẩm	75
— Nhân-du	76
— Câu hát trẻ em	77
— Thái-đố	81
Mục-lục	88

K.D. số 413/XB – ngày 17-3-61

NHÀ SÁCH KHAI-TRÍ PHÁT HÀNH

62, đại lộ Lê-Lợi — SAIGON

Thi Nhân Việt-Nam hiện đại	Phạm-Thanh
Thi-si Miền Nam	—
Nghê-thuật làm thơ	Hồng-Tên
Nguyên-tắc sáng-tác thi ca	Vũ-nam-Thanh
Sơ-Kinh tân-trang	Phạm-Thái
Lĩnh-Nam chích-quối	Lê-hữu-Mưu định
Việt-Điện U-linh-tập	—
Chuyện giới hườn	Huỳnh-tính-Cửa
Chuyện đời xưa	Trương-như-Kỷ
Văn học đời Lý	Ngô-Hất-Tỷ
Văn học đời Trần	—
Đường Thi	—
Tình sử	—
Lầu chàng	—
Văn-chương quốc âm Thế-Kỷ XIX	Phạm-trần-Chào
Khảo-luận về Điện-trường Tân-Thanh	Nguyễn-Khoa
Khảo-luận về Điện-Tuyệt	Lê-hữu-Mưu
Khảo-luận về Tiểu-Thuyết Trung-Hoa	Nguyễn-huy-Khánh
Văn-chương quốc âm	Thuật-Bách
Tư điển Thanh-Ngữ Điện-Tích	Diên-Hương
Tâm-nguyên tư-diễn	Điền-Kể
Tư điển văn-liệu	Nguyễn-văn-Minh
Việt-Ngữ chính-tả tự-vị	Lê-ngọc-Tên
Du-lịch vòng quanh thế-giới	Nguyễn-hữu-Rạng